

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Ngọc Tư (I)

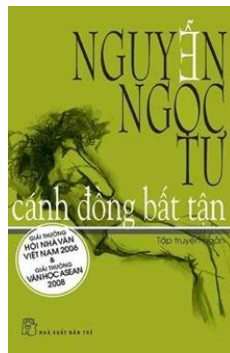
Phạm Thanh Khương sẵn sàng đối thoại với Ngọc Tư - 2



Dòng sông tặng Nguyễn – Phạm Thanh Khương – 3

&&&

Nguyễn Ngọc Tư: "Tôi luôn tin tưởng vào bản thân mình" – 14



Cánh đồng bất tận – Nguyễn Ngọc Tư - 15

Phụ đính :

Diễn sách: Dòng sông tặng Nguyễn - 34

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Phạm Thanh Khương sẵn sàng đối thoại với Ngọc Tư

Khi dư âm của vụ kiểm điểm nữ nhà văn Cà Mau vẫn còn âm ỉ thì mới đây, dư luận lại lên tiếng về việc "Cánh đồng bất tận" và truyện ngắn "Dòng sông tật nguyên" (tác phẩm dự thi in trên báo Văn Nghệ Quân Đội) của Phạm Thanh Khương quá giống nhau.

VnExpress trò chuyện với các tác giả về việc này.

Phạm Thanh Khương: "Giống hàng xóm nhưng vẫn là con mình"

- Ông nhận xét thế nào về truyện "Cánh đồng bất tận" của Nguyễn Ngọc Tư?

- Bây giờ trong tay tôi vẫn chưa có gì. Tôi cũng chưa đọc cả những bài đã đăng trên báo chí mấy hôm nay.

- Nói như thế nghĩa là đến nay ông vẫn chưa đọc "Cánh đồng bất tận"?

- Chưa. Có hôm ai đó đưa cho tôi xem. Tôi có xem qua rất nhanh rồi thì cậu phóng viên lại lấy đi ngay.

- Tại sao ông lại có thái độ thờ ơ với những dư luận liên quan đến tác phẩm của mình như vậy?

- Bởi vì tôi đã ở cái tuổi "ngũ thập nhi tri thiên mệnh". Tôi không quan tâm nhiều đến những chuyện âm ỉ xung quanh. Hơn nữa tôi còn có nhiều việc để làm: công việc, chăm sóc vợ con, đấy là chưa kể thời điểm này đang diễn ra World Cup. Tôi chưa bỏ trận nào.

- Khi so sánh giữa "Cánh đồng bất tận" và "Dòng sông tật nguyên", người ta phát hiện ra những điểm tương đồng về mặt ý tưởng, nhân vật (truyện của ông có 4 nhân vật thì cả 4 đều có sự tương đồng với nhân vật trong tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư), các chi tiết then chốt... Với sự giống nhau diễn ra trên một cấp độ và phạm vi như thế thì ông nghĩ sao?

- Thế thì tôi phải kể một câu chuyện rất vui và rất thật như sau: Khi vợ tôi sinh con, người ta cứ bảo rất giống ông hàng xóm. Như thế cũng tốt thôi, nhưng nó vẫn là con của tôi.

- Nhưng ở đây, chúng ta đang nói đến sự giống nhau kỳ lạ giữa hai tác phẩm văn học. Ông nghĩ sao khi tác phẩm của ông ra đời bị dư luận cho là giống với một tác phẩm khác?

- Về dư luận thì thế này... Tôi cho rằng chúng ta đang sống trong một môi trường xã hội dân chủ, trong một nền báo chí dân chủ, nói thế nào, hiểu thế nào là quyền của bạn đọc.

- Ông có nói, truyện của ông được xây dựng từ chính tuổi thơ của mình. Ông có thể nói rõ thêm về những ngày tháng tuổi thơ này?

- Tôi sinh ra ở Thái Bình. Dòng sông được đề cập đến trong tác phẩm là sông Sứ. Gia đình tôi là gia đình thuyền chài nhiều đời. Đến đời tôi mới lên được bờ và lưu lạc qua rất nhiều nơi. Tôi chính là chú bé con ông thuyền chài.

- Lấy nguyên mẫu là chính mình, vậy tại sao khi đưa vào tác phẩm, ông lại xây dựng nhân vật "tôi" là con gái ông thuyền chài?

- Tôi nghĩ rằng nếu để nhân vật là nữ giới, sức chịu đựng sẽ lớn hơn.

- Những ai được đọc tác phẩm này của ông đầu tiên?

- Người đầu tiên là anh Vũ Mạnh Thường - tổng biên tập cũ của báo Biên Phòng. Tôi kể toàn bộ câu chuyện cho anh ấy nghe. Anh Thường góp ý, văn chương cần phải nhân văn, chính vì vậy, tôi đã viết thêm đoạn cuối.

- Ông nghĩ sao nếu Nguyễn Ngọc Tư muốn được đối thoại với ông?

- Tôi rất mong muốn được trao đổi trực tiếp và thẳng thắn với không chỉ Nguyễn Ngọc Tư mà tất cả những bạn đọc nào quan tâm. Nhà tôi ở số 19, ngách 11/2 Đường Ngô Gia Tự, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội, số điện thoại 04.8777098.

Phạm Thanh Khương: Tôi hiểu sự nghiệt ngã của văn chương Từ Nữ Triệu Vương thực hiện

"Tôi cũng buồn rằng chẳng ai nói với tôi điều này. Nếu như tôi biết được, tôi sẽ dùng cho ra mắt truyện ngắn của mình. Vì tôi cũng rất hiểu sự nghiệt ngã của luật sáng tạo..."

- Nguyễn Ngọc Tư: Tôi cũng thấy ngán tận cổ rồi
Dòng sông" giống "Cánh đồng" chỉ là ngẫu nhiên?

&&&

Phạm Thanh Khương:

Tôi muốn báo chí tìm hiểu và kết luận chính thức.

Đến giờ phút này anh đã đọc tác phẩm "Cánh đồng bất tận" chưa?

Đến ngày hôm nay (1-7-2006), tôi đã đọc khá kĩ tác phẩm "Cánh đồng bất tận" của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư.

Dòng sông tạt nguyên Phạm Thanh Khương

Bây giờ đang là cuối đông, những trận gió mùa tràn về dứt từng chiếc lá cuối cùng trên cây bàng già nua bao năm đứng trên trên chịu trận bên bờ sông. Cây bàng có từ bao giờ tôi cũng

không biết, nhưng quanh năm suốt tháng, mỗi khi từ đồng về, người ta lại đem bầy trâu buộc vào mấy cái rễ trót mọc lồi lên trên mặt đất.

Chỗ đất buộc trâu lúc nào cũng nham nhở, nhày nhụa, lở loét, khai và khấn khấn mùi phân. Những ngày nắng ráo còn đỡ chứ phải ngày mưa không một ai dám đặt chân vào, đất ở đây sủi bọt lục đục như lỗ trạch lòng mương nước. Từ những vũng trâu đầm, mùi khắm, khai, thối, bốc lên theo gió loang xa cả một vùng sông nước. Rồi nước từ những vũng trâu đầm ấy chảy xuống sông, hòa vào nước mặc người đôi bờ hi hụi gánh về đổ bể lấy nước ăn. Những ngày như thế, cha thường bắt tôi chèo thuyền ngược lên hướng thượng nguồn mới cho nổi lửa nấu cơm.

Mùa hè, từ mờ sáng cho đến nửa đêm, lũ trẻ trâu tóc cháy đỏ hoe râu ngô, người ngập ngụa mùi bùn tanh nồng treo đầu cưỡi cổ, vật lá bẻ hoa, lần theo mấy cái cành đua ra mặt nước, hò nhau nhảy xuống. Đôi khi lũ trẻ nhao người hái bàng chín, gặp phải cành yếu, rơi từ trên cao xuống, máu mũi, máu miệng chảy đỏ ngoe đỏ ngoét theo nước lẫn vào màu da đen cháy. Đối diện phía bên kia bờ là bến nhà tôi, nơi cha tôi thường neo thuyền lại nghỉ ngơi sau mỗi lần đi xa về.

Nói là bến nhà tôi cho oai chứ thực ra chả của ai cả, chẳng qua là thuyền nhà tôi thường về đậu ở khúc sông này, lâu ngày thành quen rồi tiện mồm cứ gọi thế cho dễ nhớ, dễ hình dung. Tôi không thể nào nhớ nổi tôi đã đi bao nhiêu con sông trong vùng đồng đất mà người ta cứ cho đó là vựa thóc của đồng bằng sông Hồng. Ai muốn gọi thế nào cũng được vì nó chẳng ảnh hưởng gì đến cuộc sống nhà tôi.

Bản thân tôi cũng không có nơi sinh chứ nói gì chỗ cắm sào là của mình. Biết mình không có nhưng ai hỏi vẫn phải nói có. Nhiều khi tôi nghĩ, khổ nhất ở đời này rõ ràng không nhưng cứ tự nhận mình có, nếu không nó thèn thẹn, xấu xí thế nào ấy. Những chuyện như thế, cha tôi nghe thấy, nếu ông đang ngồi thường nhắc đít lấy tay phúi phúi mông kiểu người ta phúi bụi, còn đang đứng, thế nào ông cũng chạy ra mũi thuyền vạch quần đá rồi khạc nhổ quá bằng cốc cục đờm to đứt nút lấy cổ.

Năm nay trời lạnh cá cũng không chịu đi ăn đêm, và khi người khôn của lại hiếm. Cứ như hiện nay, các loại cá sông có để hằng đêm thì cũng khó mà duy trì được giống. Để đánh bắt con người không từ bỏ một thủ đoạn hay phương pháp nào. Trước kia, những gia đình sống bằng nghề sông nước tuy không ai quy định nhưng mọi người đều ngầm thống nhất các loại vó lưới dày mau không dùng vì còn để cá lớn. Nhưng nay thì khác, vó lưới dùng loại dày, rồi kích điện, đánh mìn, hóa chất. Cộng thêm vào tệ đánh bắt không cần biết hậu quả về sau, thuốc sâu từ đồng ruộng chảy xuống, nước thải từ các nhà máy công nghiệp chảy vào, từ các khu dân cư vô tư đổ đến. Một thời sông trong trẻo, thơ mộng cho những ai yêu văn thơ tha hồ sáng tác, còn nay sông một màu đục đục xám xám đen tang tóc. Hầm cá trong lòng thuyền nhà tôi ngày xưa lúc nào cũng nhung nhúc, chiếc sạp lát sàn đêm đêm cá quẫy nước bắn ướt đầm phải lên mũi mới ngủ được, còn bay giờ hôm nào nhiều chục con, ngày ít hai ba con.

Ngày ấy, khi cá còn dễ đánh bắt, kho nấu cá bao giờ cha tôi cũng chặt vớt bỏ khúc đầu, đuôi chỉ lấy khúc giữa. Ông thường bảo tôi rằng, ở đời ăn uống từ đầu chí cuối mất cả phần con cháu, đồ phàm phu tục tử, không đáng sống. Mặc ông nói thế nào tôi cũng kệ, thực ra tôi nghĩ chẳng qua là do ông làm nghề chài lưới, kiếm con cá con tôm không vất vả khó khăn như những người khác nên thế thôi. Mà lạ lắm, tất cả các món ăn chế biến từ cá ông thích nhất là món kho mẻ. Món kho mẻ chẳng có gì cầu kỳ phức tạp, người làm cá chỉ mỗi việc mổ cá, để nguyên cả máu rồi cho vào nồi đất, đổ nước xấm xấp cho lên bếp đun, bao giờ cá chín như là bắc ra ăn, múc cả khúc cá với nước cá kho còn nóng nghi ngút khói. Nước kho cá chan cơm ăn còn ngon gấp mấy lần nước mắm đầu nóng đầu nia, nước mắm cất. Thích thế nhưng dầu có ngon đến mấy, ông chỉ ăn một bữa còn lại đem đổ hết xuống sông, không bao giờ để lại ăn bữa thứ hai. Có một lần tôi thấy cá ngon, tiếc của gùi đem cất đi tối lấy ra. Vừa nhìn thấy, ông chẳng nói chẳng rằng quăng luôn cả nồi cá xuống sông, xong chửi, bảo tôi là đồ khôn, giống hệt tính cái con mẹ đẻ ra tôi. Những gì ông không thích, những khi ông bực, ông lại chửi tôi

như thế. Lúc ấy tôi rất sợ, nghe giọng ông chửi, tiếng rít qua kẽ răng, người tôi cứ co rúm lại, chân tay tự nhiên run bần bật, không thể nhúc nhúc, chẳng khác gì người ta đem dây trói chân trói tay tôi lại.

Tối qua trước khi đi ngủ cha tôi nói như giao hẹn:

- Sáng mai nhỏ neo, liều liệu tính toán cơm nước mà đi sớm - Ông làm bằm - Cứ thế này rồi không có cả cứt mà đổ vào miệng.

Chả cần biết mọi người có nghe thủng việc không, ông lấy vò rượu, đổ đầy bát tô, uống cạn một hơi rồi chui vào khoang thuyền trái chiều nằm ngủ.

Nghe ông nói, tôi hãi im thin thít làm theo, không dám ho he gì. Cô Hén cũng thế, cun cút dọn dẹp các thứ cho vào cái hòm đựng đồ bằng sắt tây đã hoen gỉ. Biết tính ông chỉ nói một lần, không nhắc lại, sáng nay mọi người dậy sớm để chuyển thuyền lên khúc sông trên.

Tôi quên không nói, nhà tôi hiện tại có ba người. Tôi, cha tôi và người đàn bà cha nhật ở bến Trầm, còn người đàn bà sinh ra tôi đã bỏ dòng sông cùng những chuyến phiêu bạt gió sương đi đâu không rõ. Việc bà bỏ tôi và cha ra đi có một phần lỗi thuộc về tôi, còn cha tôi, từ ngày bà bỏ đi, cứ uống rượu là ông chửi mặc dù không hề nhắc đến tên ai nhưng tôi biết, người ông nguyên rủa, thâm thù, cay đắng không ai khác chính là bà, người được ông nhật lên từ mớ bỏ mỗi cá ngày nào. Cũng sau ngày bà bỏ đi, đến bến nào, nghỉ ở khúc nào, miễn là nơi chiếc thuyền có thể cắm sào, gặp người đàn bà nào có thể nhật được là ông nhật. Rồi như con thuyền, cắm sào một chốc một lát nhỏ neo đi, người đàn bà ông nhật ấy sau một vài ngày cũng bị ông vớt trả lại bờ không thương tiếc.

Mờ sáng tôi dậy thu xếp chài đem buộc lên cái cọc cắm ở đầu thuyền như cây nêu để phơi, công việc này trước đây là của mẹ tôi, còn bây giờ, tất cả những người đàn bà kia, những người ông nhật sau bà đều không được làm. Khi tôi lui cùi phơi chài, cô Hén hí hụi nhóm lửa phía cuối thuyền thổi cơm. Tôi đang đứng trên mũi giữ chài thì thấy loảng xoảng rồi tùm tùm xoong nồi, rổ rá và cả chiếc kiềng gang ba chân theo nhau rơi xuống sông. Đuổi theo tiếng đồ vật rơi là tiếng chửi của cha tôi, tiếng chửi nhằm nào cô Hén chửi không vô chủ như mọi lần, lời chửi gay gắt và độc địa.

- Đồ ngu, nhóm bếp thế thằng bố mày ngủ được à. Không biết làm sao hơn việc cong tưỡn cái mông lên hay sao?

Khốn nạn. Sự khốn nạn đến tận cùng, nhưng người đàn bà cha tôi nhật trên bến sông Trầm vẫn không hé răng nói lấy một lời, cô nhẫn nhịn chịu đựng, nem nép chui qua khoang nhà thuyền ra phía đầu mũi ngồi lặng lẽ lấy vạt áo chấm chấm mắt. Khổ quá, ở thuyền sáng mai ra đàn bà con gái không bao giờ được ra mũi thuyền ngồi, vừa ăn chửi xong lại ra đấy không chừng vớ cái đập lộn xuống sông bây giờ. Nghĩ thế tôi bỏ dỡ công việc len lén tụt xuống kéo cô lên mũi ấy về cuối thuyền trong khi cha tôi chui lại khoang trùm chăn ngủ tiếp. Cô Hén không biết rằng, khi ngủ, bao giờ bố tôi cũng cắm hai sào, một phía mũi, một ở cuối để phòng khi đêm trở gió thuyền không xoay ngang xoay dọc làm mất giấc. Sáng ra, khi nấu cơm phải nhỏ sào tháo dây phía cuối thuyền để cho thuyền ngược hướng gió thì khói mới không vào khoang.

Vì không biết nên cô Hén đã để khói bay vào khoang, mà khoang nhỏ thì có khác gì hun chuột. Bài học vỡ lòng đời thuyền không xong chắc không sớm thì chày cô Hén lại được cha tôi vớt lên bờ như những người đàn bà khác.

2 - Những người đàn bà đi qua cuộc đời cha tôi đều là những người ông nhật được trên sông và trên bờ từ những chuyến đi kiếm ăn lênh đênh sông nước. Người đàn bà đầu tiên và cũng là người sinh ra tôi là người ông nhật được từ một mớ bỏ mỗi cá.

Người làm nghề chài lưới trên sông không phải ai cũng có nghề như nhau mà thực ra mỗi người, mỗi vạt chài có một nghề riêng. Có người cả đời sông nước chỉ sống độc một nghề thả câu, có người buông lưới, có người quăng chài, có người đi te hay đóng đặng, đóng túi. Cũng như cha tôi, cả đời chỉ có một nghề đánh chài mò. Trong các nghề sông nước, nghề chài mò là nghề vất vả nhất.

Người làm nghề chài mò phải có sức khỏe, khả năng lặn sâu, lâu, chịu được sức ép của nước, ai không có sức khỏe làm nghề này rất nguy hiểm đến tính mạng. Đã có một vài người tưởng nghề chài mò dễ kiếm ăn lao vào, hôm trước hôm sau phải bỏ vì không chịu được. Độ sâu để đánh chài mò thường phải từ hai mét trở lên. Mỗi khi quăng chài, người đánh phải lặn xuống, dùng chân dận cho bốn xung quanh mép chân giềng chài ngấp sâu vào bùn mà phải làm nhanh nếu không cá sẽ theo mép chân giềng chui ra ngoài. Người chịu được không sao, người nào yếu, khi làm xong việc đó, lúc nổi lên mặt nước ộc máu mồm máu mũi, nếu ai chảy máu tai coi như cầm chắc cái chết.

Trước đó, người đánh phải lặn xuống sông lấy tay hoặc chân gạt lớp bùn non, đào một cái hố sâu (gọi là mó) khoảng hai mươi đến ba mươi phân, rộng bằng cái thúng lồi bỏ mồi vào. Mồi để đánh thường làm bằng cám rang, trộn với thóc, phân người tươi, phân trâu bò và các loại xác giun, cào cào châu chấu. Sau khi đã trộn các loại đó với nhau, người la lại đem trộn với bùn rắn hoặc đất thật cho thật nhuyễn rồi chia ra thành nhiều phần, mỗi phần to bằng cái ấm chuyên pha trà bỏ xuống một mó. Ngày còn bé, mỗi khi cha tôi làm mồi thường bắt tôi phải ị vào cái vại sành để lấy phân trộn mồi. Hôm nào không muốn đi phải rặn đến đỏ cả mặt nổi gân nổi guốc. Những lần như thế ông thường chửi tôi là đồ toi cơm, vô tích sự rồi đuổi tôi ra và kéo quần ngồi luôn vào đấy làm công việc cung cấp nguồn nguyên liệu làm mồi. Mà cũng lạ, cái giống cá chép sông sao thích loại mồi có phân người tươi thế không biết. Mỗi gì thì mồi, có làm thơm đến đâu mà không trộn phân tươi là không hấp dẫn được nó.

Năm ấy mùa đông như kéo dài hơn, rét nhiều hơn, cá mú dường như cũng ít hơn và con người sống cũng ít tốt hơn. Ấy là theo cha tôi nói thế chứ tôi lúc đó còn đang ở bờ tre gốc dừa nào chưa biết. Sau khi đã uống cạn bát nước mắm trước khi xuống nước, ông quăng chài, nhưng chả hiểu sao, đáng lý phải quăng chài bảy, nghĩa là chài dài sáu ba (bảy thước bắc bộ, mỗi thước bốn mươi phân, chài bảy chiều dài bằng hai mét tám) ông lại quăng chài chín. Vì chài chín quá dài, cá dễ lặn xuống bùn chui qua giềng ra ngoài nên ông quăng chài xong sức nhớ ra vội vàng xuống sông ngay. Sau khi lặn dận chân giềng ông có cảm giác không có cá, vì như mỗi lần, khi lặn dận chân giềng là thế nào cũng chạm cá sao ra. Giống cá chép, khi bị động thường tìm một chỗ bùn lồi để ép mình vào đó tránh. Đánh chài mò, quăng chài xong phải xuống dận chân giềng để cá khời ra ngoài và cũng là để cho cá rúc xuống chỗ chân vừa đi, chính chỗ đó đã có các túi lưới, cá vào đó rồi thì không thể nào ra được. Đấy cũng chính là thói quen chết người của bầy cá chép sông, cứ tưởng tránh được cái chết ai ngờ tự chui đầu vào chỗ cho người làm thịt.

Linh tính mánh bảo thế nào, nếu như mọi lần, sau khi lặn dận chân giềng xong thường phải lên thuyền ngồi chờ mười mười lăm phút, đợi cho cá rúc chân giềng mới xuống mò thì ông lại xuống mò ngay. Lặn mò hết cả một vòng chân giềng không thấy cá lao ra động chân giềng ông bèn lặn vào kiểm tra mó mồi. Và ông đã thấy người đàn bà sau này sinh ra tôi nằm cuộn tròn trong mó. Chẳng nghĩ ngợi gì, ông để chài đẩy đưa bà lên bờ, dốc ngược hai chân vào vai, đầu chúc xuống đó chạy huỳnh huých mấy vòng.

Tuổi thơ của tôi là những ngày lênh đênh sông nước, nay đây mai đó, không có điểm dừng. Nơi cha tôi thả mồi và nhặt được bà từ mó cá không bao giờ ông cho thuyền về đó đậu. Đêm đêm ngày ngày tiếng cá quẫy lòng thuyền là niềm vui của gia đình, nhiều khi cái âm thanh tù túng, vây hãm của bầy cá trong khoang làm tôi toét miệng cười. Tiếng cười, nét mặt tôi khi đó như thế nào không rõ nhưng mỗi khi như thế tôi thường nhăn mặt có vẻ khó chịu. Năm tôi lên bảy tuổi, có một lần mẹ rắng với cha.

- Con nó năm nay đến tuổi đi học rồi đấy, ông xem gửi con vào đâu cho nó học kiếm cái chữ kéo rồi lại vất vả cả đời như cha mẹ, nó lại oán trách sau này.

Vẫn giữ nguyên nét mặt đầy khó chịu, cha bảo, giọng rít qua kẽ răng.

- Thằng bố nó không học có chết đâu, vẫn sống nhăn răng ra đấy thôi. Học vào rồi mà nứt mắt tý tởn. Không ăn mới chết chứ không có chữ chưa thấy ai chết bao giờ.

Nghe ông nói, nét mặt mẹ đang tươi như hoa bỗng xịu xuống chẳng khác gì gặp trận gió quét, rũ xuống, bã bời, tờ tởp. Không phải đi học tôi càng thích. Tôi nhảy cẫng lên, để nguyên cả

quần áo tôi lao rầm xuống nước, lặn một hơi bơi ra rõ xa mới ngoi đầu lên. Túm tóc đuôi gà bết nước cuốn chặt lấy cổ. Mẹ tôi thấy thế giấu mặt vào sau tay áo.

Cuộc sống nhà tôi cứ thế, đều đặn diễn ra. Sáng mẹ lấy vợt xúc cá dưới khoang thuyền mang đi chợ bán đong gạo, mua rau dưa, dầu đèn và các thứ linh tinh khác. Chiều cha làm mồi rồi chờ chập choạng mang ra bỏ mồi, đợi khi trăng lên hay gió nổi hây hẩy, mẹ chèo thuyền cha đứng đầu mũi nhẹ nhàng lướt đến chỗ chiều cha bỏ mồi. Bao giờ mũi thuyền cách mồi bỏ mồi chừng vài tay, mẹ dựng mái chèo cho thuyền đứng lại. Cha trên đầu mũi, hơi xoay, vặn người về sau rồi cũng rất điệu nghệ, ông tung chiếc chài lên nở bồng trên mặt sóng, đường chân giềng đã được kẹp chì bung đều vòng tròn, chụm xuống chỗ đã bỏ mồi. Tiếng chân giềng chạm mặt nước chỉ nghe cái rụp. Chỉ bằng một cú quăng ấy lũ cá trót dại vào ăn trong mồi khó lòng thoát khỏi bàn tay của cha. Trong khi chân giềng chìm dần từ mặt nước xuống chạm lớp bùn dưới đáy, nếu là mùa đông, cha bưng bát nước mắm đặc sánh uống một hơi rồi nhẹ nhàng như con rái cá ông lao xuống sông. Bao giờ đường chân giềng chắc chắn đã được giấu sâu trong bùn khi đó mới thấy ông ngoi lên mặt nước.

Mỗi lần quăng như thế cha thường phải lặn lên lặn xuống từ năm đến sáu lần. Một đêm, cha thường bỏ ít mồi mồi, hôm nào thấy có nhiều tăm ông làm mồi bốn mồi lăm mồi. Những hôm như thế, tiếng cá tranh phần nước lấp sấp trong lòng khoang thuyền lục cục cả đêm. Và tôi phải lên trên mũi ngủ, còn cha tôi sẽ lên trên mũi, mẹ tôi, bà phải xuống ngủ phía đuôi, nơi cạnh bếp để sáng mai cõm nước sớm cho cha và chuẩn bị đi chợ. Chẳng biết có phải vì làm nghề chài mò lặn nhiều hay không mà ngực cha tôi vòng lên, những thứ thịt căng đầy cuộn cuộn những cơ là cơ. Vòng ngực căng đầy của cha tôi theo năm tháng làm nghề chài mò lép dần, lép dần không gì níu giữ được.

3 - Đến bây giờ thỉnh thoảng tôi vẫn ước giá không có cái buổi chiều khốn khó đó thì đã không mất mẹ, cuộc sống của cha con tôi cũng có khi vẫn chung niềm vui ăm ắp tiếng cá quẫy hàng đêm trong lòng khoang thuyền rộn rạng. Mẹ tôi sáng sáng vẫn te tái cõm cõm nước nước lo cho cha và tôi cùng lời nhắc nhở trước khi cấp chiếc rỏ lên bờ đi chợ. Rằng hai cha con ở nhà chờ bà chợ về cõm nước, đừng sợ muộn mà tự nấu nướng lấy rồi cả nhà lại phải ăn cơm sống. Và tôi, từ lúc mẹ bước lên bờ sẽ leo lên mũi ngồi ngóng bà chợ về mua cho bơ bọ hạt dưa người ta nhuộm phẩm nhám nhất cho đỡ mồi. Còn cha, bà sẽ mua cho lạng thuốc Lào. Nhận gói thuốc từ tay bà, ông vâng vâng, vuốt vuốt từng sợi, viên viên hạt bi đặt nhẹ nhàng vào chiếc nõ đã được lấy mũi dao nhọn khoét, gọt, gọt những bợn khói thuốc bám đen xung quanh, tay gầy gầy chiếc đóm ruột tre ngâm phơi khô, hơ hơ trên miệng điều rồi hút một hơi thật sâu, tiếng nõ nổ tanh tách. Đoạn, ông ngửa cổ, chụm môi nhẹ nhàng nhả từng sợi khói phơ phất bay mỏng mảnh như dây chỉ trắng lên trời. Cha quay ra khen: Hôm nay bà nó mua thuốc Lào của ai mà hút có hậu thế. Nói có khi chưa xong câu, ông đã nằm quay ra sàn thuyền lơ mơ nghĩ những gì những gì không biết và bật cười. Mẹ nghe thế nguýt cha một cái rõ dài, tùm tùm cười theo. Tôi thuộc lòng chẳng hiểu đầu đuôi thế nào cũng lặn xuống sàn, giờ hai chân lên trời giẫy giẫy cười hòa theo. Đêm ấy không có gió, thuyền nhà tôi cũng bồng bênh, dập dềnh nô giỡn với sóng, trăng và nước.

Ấy là ước giá thế thôi chứ cái cảnh đó bây giờ nó đã quá xa với tôi rồi. Tôi cũng không còn nhớ là đã phải xa nó năm năm hay sáu, bảy năm gì nữa, xa như tiếng cá quẫy lòng khoang thuyền của cha con tôi bây giờ vậy. Nhiều hôm thấy tôi ngồi bần thần ông chửi.

- Nhớ nhớ nhưng nhưng cái gì. Cái mặt mày rồi lại như con đẻ mẹ mày, quần ăn cháo đá bát. Loại người gì sống không bằng loài chó. Mà chó nó cũng không bao giờ bỏ con như cái con mẹ mày đâu. Ngồi đấy mà thuận cái mặt rặn ỉa ra cho ngứa mắt.

Ông chửi thế tôi phải chịu chứ thực lòng, không phải tôi không có lúc giận mẹ. Cái ngày đầu tiên tôi có tháng, thấy máu tự nhiên chảy ra tôi lo đến thất gan thất ruột. Tôi học cách người ta cầm máu, vợ không biết bao nhiêu là lá, nhai rồi đắp đến mỗi cả mồm, căng cả bụng nước mà nó vẫn cứ chảy. Bực mình, tôi phải lấy cả một vạt áo cuộn nút lại mới được. Tháng đầu tiên của người con gái tôi phải mất cả cái áo cánh trắng chỉ chụm chặt bóp mãi mới có được. Cũng may, sau đó hơn tuần cha tôi nhặt được một người đàn bà ở trên bến Sùi, bà đã bảo cho tôi

biết. Người đàn bà này cũng chỉ kịp bảo cho tôi biết cách làm thì cha tôi đã lại vớt trả bà lại bờ. Giá tôi có mẹ thì làm sao tôi phải mất oan cái áo như thế, làm sao phải để một người đàn bà lạ hoắc dạy bảo tôi chuyện đó. Những lần như thế tôi giận mẹ lắm, chỉ có điều, tôi giấu cái giận vào trong lòng. Giận thì giận nhưng tôi vẫn nhớ bà nhiều lắm. Giận mẹ một tôi cầm thừng chủ cai thầu thợ đấu gấp mười, thậm chí cả trăm lần. Chính nó đã làm tôi mất mẹ và cũng chẳng biết bây giờ mẹ tôi đang phiêu bạt nơi nào. Sau lần ấy nó đã giữ áo bỏ đi để mặc mẹ tôi gánh chịu. Cũng chính nó làm tôi bây giờ nhìn mặt bất cứ thằng đàn ông nào trên đời cũng thấy gian gian, đều đều, không thể tin được. Tôi luôn cảm thấy sự khốn nạn ẩn chứa sau vẻ mỹ miều, ngon ngọt, chả biết có đúng thế không.

Năm ấy khúc sông Ghềnh sao nhiều cá đến thế, cha tôi đánh cả tháng mất tằm vẫn sủi lên như bong bóng mưa. Không mấy khi gặp được nơi như thế cha quyết định dừng thuyền ở đấy chứ không như những lần khác, chỗ nào nhiều nhất cha cũng chỉ cắm sào hai đến ba hôm là cùng rồi lại nhổ neo đưa thuyền sang khúc khác. Theo ông, đánh bắt mãi một chỗ cá chẳng kịp lớn rồi ra chẳng còn cửa mà làm ăn. Sống nhờ cá mà không biết cho con cá kịp lớn, kịp sinh đàn dài lũ thì cũng là quân vô ơn bạc nghĩa. Những chỗ đã đánh bao giờ cha tôi cũng phải đợi hai ba năm sau mới quay lại. Có nhiều khúc sông, khi thuyền nhà tôi quay lại tôi còn không nhận ra nơi ấy đã từng neo đậu vì cảnh vật thay đổi quá nhiều, mặc dù sự thay đổi thường là chán đi chứ chẳng mấy chỗ đẹp lên. Chỗ thì làng mạc tiêu điều xơ xác, cây cối chẳng còn xanh tốt như ngày đến. Chỗ thì bãi lở vào sâu nhô nhô, ghề lở. Nơi hàng chục chiếc tàu hút cát hùng hục đào bới, tiếng máy nổ rồi khói, váng dầu xả ra đen đặc cả khúc sông. Cái sự mưu sinh của con người cũng ghê gớm, tham lam vô cùng, chẳng biết thế nào cho đủ. Gặp những cảnh như thế, cha tôi thế nào cũng chửi đồng vài câu rồi mới cho chèo thuyền đi khúc sông khác.

Cũng vì nhiều cá cha tôi cho thuyền neo lại lâu nên việc sáng sáng mẹ tôi đi chợ cũng thành thói quen của nhiều người gần bên. Có một lần mẹ cho tôi theo đi chợ. Từ bến đậu thuyền nhà tôi đến chợ cứ theo con đường nhựa chả biết làm từ bao giờ nhưng đến nay nó đã tróc mặt, những hố là hố, có nhiều cái to hơn cả mớ bỏ mỗi cửa cha tôi. Hai bên đường, dọc theo con ngòi, người ta thi nhau đẩy thuyền, những chiếc thuyền nan đầy đất quật thành từng ô vuông vức lấp mấy đoạn ngòi. Mẹ bảo tôi người trên bờ đất chặt người đông nên không còn đất để ở phải lấy đất dưới lòng các con ngòi rồi quật cao làm nền nhà. Sống mỗi người mỗi nhà nhưng chết phải chung nghĩa địa, cái lý của người trên bờ là thế. Mẹ thở dài.

- Bao giờ nhà ta mới có tác đất cắm dùi. Sống không có đất ở, chết không có đất chôn.

Nghe mẹ than thở nhưng thực lòng lúc ấy tôi chả hiểu gì chỉ nghĩ nhà tôi cần gì đất làm nhà. Cả nhà sống trên thuyền, ăn nước sông, uống nước sông, sống nhờ sông. Khúc sông này còn cá thì ở, hết cá thì đi, nhờ con sào đẩy một cái là đến chỗ khác. Ở nhà thuyền, mùa hè thì mát, mùa đông thì ấm, con cá con tôm lúc nào cũng tươi, nhẩy tanh tách chả sượng gấp mấy lần trên bờ phải chen nhúc chặt chội hay sao. Mẹ tôi ước làm gì cho khổ. Nhìn những người lặn ngụp, ngâm mình dưới nước vác từng tảng đất vát lên thuyền rồi lại phải quật cao thành gò thành ụ để làm nhà sung sướng nổi gì. Mẹ bảo tôi những người ấy là thợ làm đấu. Những người này ăn khỏe lắm, vì thế mới có câu ăn đấu làm khoán. Cả ngày ngâm mình dưới nước nên lúc nào cũng đói. Chả trách cha tôi mỗi bữa ăn bầy tám bát vẫn kêu đói. Tôi len lén nhìn những người thợ đấu, người nào người nấy vằm váp, bấp tay, cơ ngực cuộn cuộn như dây chấu, dây lèo giăng chèo, kéo cột dựng buồm.

Khi hai mẹ con tôi đi qua chiếc lều bạt dựng cạnh đường, nơi có chiếc xe máy màu đỏ dựng bên cạnh thì có ai đó gọi:

- Này cô chài, có cá tươi bán cho mấy mớ.

Nghe tiếng gọi, mẹ tôi tong tả đến trước cửa lều, đặt rổ cá xuống đơn đả:

- Hôm nay em có mấy mớ cá còn tươi lắm. Mấy anh xem mua cả giúp em cho gọn.

Từ trong lều đi ra là một người đàn ông cao ráo, khuôn mặt vuông vức, hàng râu mờ mờ xanh bao kín cả hai bên má xuống cằm. Đi sau anh ta là ba bốn người nữa. Một người trong đám nghe mẹ tôi nói thế cười, sán đến, ngồi xuống bên cạnh.

- Cá của em thì tươi rồi nhưng có lạ không em?

Mấy người đi theo cười hô hố, nghe cả hàm răng to như bàn cuốc, đen thui đít nồi. Mẹ tôi đỏ mặt xấu hổ. Người đàn ông cao ráo có khuôn mặt vuông vức lừ mắt, mấy người kia vội im bật.

- Cô đừng giận, họ hay đùa tếu táo thế thôi. Hôm nay tôi có nhiều thợ làm. Cô lấy bao nhiêu để tôi mua cả. Cá nhà cô là cá sông, mấy hôm trước tôi mua của cô, kho mặn mà ai ăn cũng khen ngon, thịt thơm lắm.

Giọng người đàn ông nhẹ nhàng, thủ thỉ nghe ấm áp:

- Người xinh thì cá cũng ngon phải không cô. Hôm nào có cá cứ mang đến đây tôi mua cả cho không phải đi chợ bán nữa, vất vả người bán mà cá cũng mất tươi.

Mẹ tôi lại đỏ mặt, lấy tay kéo vành nón giấu khuôn mặt đang hồng lên sau lời khen. Hôm ấy hai mẹ con tôi đi chợ không phải lo bán cá nữa nên có thời gian cho tôi đi chơi, mua sắm các thứ.

Mẹ mua cho cha và tôi mỗi người một bộ quần áo mới. Vui quá tí nữa thì hai mẹ con tôi quên đến giờ về nấu cơm trưa. Tôi vui ra mặt, nháy chân sáo suốt đường về. Còn mẹ, tôi đoán, chắc mẹ cũng vui nên thỉnh thoảng cười tùm, hai má hồng hồng dưới vành nón. Một quãng mẹ lại gỡ nón nhìn nhanh vào chiếc gương nhỏ nhỏ mà người ta khéo léo gài phía trong áp chóp. Thuyền nhà tôi cắm sào ở lại khúc sông này đã lâu mà nhìn xuống nước vẫn thấy tấm cá nổi lên. Sáng ra, cha bảo mẹ mang hết cá ở khoang chứa đi bán, không cần để dành làm gì, đánh tối nay nữa rồi đi. Mẹ tôi bảo ông đang đánh được tại sao lại đi vội thế. Ông lừ mắt nhìn mẹ giọng chì chiết:

- Cá đánh lắm cũng hết, người ở lâu dễ hư. Ma quỷ yêu quái chẳng qua là ở mãi một chỗ mà thành. Mèo già hóa tinh thành cáo, chó dữ nuôi lâu phát rồ. Đi hay ở cô không phải nói nhiều, tôi khắc biết.

Nói đoạn, ông chui vào khoang lấy bộ quần áo mẹ mua cho hôm có tôi đi cùng mặc vào. Sau khi đã lên bờ ông quay lại nói vọng xuống thông báo ông đi ăn cưới ở vạt chài khúc sông trên trưa nay không về. Ông còn dặn ở nhà hai mẹ con chuẩn bị sẵn mời chờ ông về để bỏ mớ. Mẹ bắt hết chỗ cá đi chợ, còn tôi, mấy đứa trẻ trâu xóm bãi rủ đánh trận giả rồi chơi trò trốn tìm. Tôi lật mấy tấm ván đầu mũi thuyền chui nấp vào trong đó, xong lấp lại như cũ. Tôi nấp ở đây tài thánh cũng không ai có thể tìm được. Nằm cuộn trong khoang mũi trốn, tụi trẻ xóm bãi ra đi rồi lại tìm mấy lần không thấy chúng bỏ đi nhưng tôi nghĩ chúng nó giả vờ để lừa tôi ra bắt nên cứ yên trí nằm trong đó mặc cho chúng nó đi tìm. Đánh trận giả đã thấm mệt bây giờ nằm trốn trong khoang mũi nên tôi lúc đầu chỉ nghĩ lim dim một chút cho đỡ mệt ai ngờ ngủ bếng đi mất. Khi tôi đang ngủ thì thuyền trông thành làm đầu tôi đập vào khung xương gá ván tỉnh giấc. Tôi chưa kịp lật ván chui ra thì đã nghe thấy tiếng thở dốc của mẹ và giọng nói nhẹ, ấm rất quen thuộc, rằng mẹ làm ông ta mệt quá. Tôi hé mắt qua khe ván, chiếc xe máy màu đỏ đang dựng bên vệ đê lồi xuống bến. Tôi cứ nằm trong khoang mũi chờ cho mẹ mà người đàn ông bước đến chỗ xe máy tôi mới lật ván chui ra, ngồi bệt xuống mặt sàn. Khi mẹ trở lại thuyền thấy tôi ngồi sẵn đó, bà ngồi xuống cạnh hỏi có phải vừa ở trong khoang mũi không. Tôi không trả lời mà tự nhiên òa lên khóc, gạt bà ngồi la xa.

Câu chuyện vỡ lở, tôi tưởng cha sẽ đánh cho mẹ một trận hay phải gằm lên chửi mắng.

Nhưng không, cha bắt mẹ đến xin người đàn ông ấy một đồng tiền mà không cần biết tiền to hay nhỏ. Sau khi mẹ mang về đưa cha, ông vuốt cho phẳng phiu rồi cất kỹ vào một chỗ. Cũng từ hôm ấy, ông giặt chài phơi phóng thật khô cho vào chiếc hòm sắt khóa lại, không làm nghề chài mò nữa. Đến bữa, trước khi cả nhà ăn cơm, ông lại lấy tờ tiền ấy ra, đặt lên mâm và bảo tôi, giọng rất nhẹ nhàng nhưng tôi vẫn nhận ra tiếng gió rít nhẹ trong kẽ chân răng:

- Con cứ ăn đi. Từ nay nhà ta không ai phải làm gì nữa, đã có mẹ con đi làm kiếm tiền về nuôi bố con mình rồi.

Một tuần rông rã, tôi nghe mẹ van xin cha nhưng ông vẫn tịnh như không nghe thấy gì. Mỗi bữa ăn là nước mắt mẹ lưng tròng chan cơm. Rồi một sáng, mẹ cắp rổ đi chợ và không bao

giờ trở lại nữa. Đến tối, cha không thấy mẹ quay về, ông chèo thuyền đung ba ngày ba đêm đưa tôi sang khúc sông khác. Ông làm nghề chài mò trở lại nhưng cũng từ đấy ông đổi tính đổi nét, hay uống rượu và thường đưa những người đàn bà lên thuyền, rồi sau đó một hai hôm ông vớt trả lại bờ. Cá đánh được ông không cho mang lên chợ bán, ai muốn mua xuống bến nói cần con to hay nhỏ, nặng bao nhiêu là ông chui vào khoang, lật tấm ván lát thuyền bắt mang lên.

Bây giờ ngồi nhớ lại, tôi vẫn thấy căm thù mấy đứa trẻ trâu xóm bãi đã rủ tôi chơi trò trốn tìm. Tôi muốn đập nát cái khoang mũi để cho tôi nằm trốn trong đó. Tôi hận với chính tôi đang chơi lại lăn ra ngủ và tại sao lại tỉnh giấc vào lúc ấy. Liệu hôm đó tôi cứ lang thang chơi với lũ trẻ trâu xóm bãi bắt cào cào châu chấu hay trò ném pháo đất thì mẹ có phải bỏ tôi đi như thế không? Và nữa, nếu cha không căn vặn tôi vì sao lại khóc, bỏ cơm không chịu ăn để tôi phải nói cho cha biết? Nếu tôi biết nói dối? Nếu cha không ném đồng tiền năm nghìn xanh lét xuống mâm trước mỗi bữa ăn cùng câu nói mưòi lần như một thì mẹ có ở lại với cha và tôi không? Mẹ bỏ tôi mà đi có một phần do lỗi của tôi? Mẹ ơi, giờ này mẹ đang phiêu bạt nơi nào.

Thương mẹ, nhớ nhẹ, tôi chỉ dám gọi thầm trong bụng.

4 - Có một chiều chỉ có hai cha con ngồi ăn cơm trước khi ông đi bỏ mồi, tôi hỏi.

- Tại sao lại có sông hả bố?

Vừa bung bát cơm lên và, ông nói giọng còn lụng bụng trong miệng.

- Vì đời sinh ra bố.

Nghe ông nói thế tôi không dám hỏi thêm kẻo bát cơm ông đang bung lên tay có cánh bay sang mặt tôi. Mấy năm trước, cha tôi cũng nhặt được một người đàn bà trên bờ đưa xuống thuyền. Cô này nói luôn mồm, thấy cái gì cũng hỏi mà hỏi đến cu ty tỉ muội. Một lần cũng trong bữa ăn, cô hỏi bố tôi về chuyện tại sao con sông này có tên gọi là Bo, con sông kia có tên là Mã, con sông nọ có tên là Sửu. Sau mấy câu trả lời ậm ừ, cô ấy cứ hỏi mãi. Chẳng nói chẳng rằng, ông ném luôn bát cơm đang bung trên tay vào mặt, chửi.

- Miệng thối như cứt mà ăn cơm cứ nói lảm. Bọt phun phè phè ra hết mâm còn ai dám ăn. Cô về hỏi thằng bố cô ấy.

Dứt lời, ông đứng lên bế thốc cô ném thẳng lên bờ, nhổ neo đẩy thuyền đi tịnh không thèm ngoái đầu nhìn lại. Tính ông là thế, không thích lằng nhằng, làm chài thì cứ việc giời bỏ mồi bắt cá, ông chúa ghét thói lính canh ngó chuyện triều đình, đầu không ra đầu mà cuối cũng chẳng ra cuối, vạ rách chuyện. Ăn cơm mốc nói chuyện tám thơm. Biết tính ông thế nên tôi thôi. Ừ, thì cứ coi ông là dòng sông đi. Sông cũng có khúc lở khúc bồi, khúc trong khúc đục, có tội lỗi, có tật nguyên như con người trên bờ kia, cũng có kẻ này người nọ, nếu không làm sao mẹ bỏ tôi khi mới hơn mưòi tuổi đầu mà ra đi cho được.

Để giúp cô Hén nhóm lửa nấu cơm, tôi nhảy xuống sông mò tìm lại mấy thứ cha lôi vừa quăng xuống nước. Với tôi, không nói khoác, là con gái thật đấy nhưng chuyện bơi, lặn khó có thằng trai trên bờ nào thắng nổi. Có một lần duy nhất trong đời cha nói vui với tôi. Ông bảo tôi sau này lấy chồng, nếu nó léng phéng con cứ lôi nó xuống sông mà dằn.

Ăn cơm nước xong cả nhà đang chuẩn bị nhổ sào chuyển đi khúc sông khác thì chả hiểu sao, cô Hén múc nước rửa bát ngã xuống sông. Tôi còn đang mãi thu dọn các thứ, sắp xếp cho gọn, vì trong ngôi nhà thuyền rộng năm, sáu mét vuông nếu không biết cách sắp xếp thì đến chỗ đặt chân cũng chẳng có. Thực ra công việc này là của cô Hén vì dù muốn hay không cô cũng là người phụ nữ nhiều tuổi nhất trong nhà, thương cô nên tôi làm giúp. Mới lại, không biết cô có tồn tại bên cha tôi được lấy ba bảy hai mốt ngày không hay lại như những người đàn bà trước đây, lâu thì một ngày, nhanh thì một đêm đã bị ông quăng lại bờ cùng mấy tờ bạc nhàu nhĩ tanh mùi cá. Dẫu sao, tôi cũng là người biết tính biết nét của cha và đã quen với sự sắp đặt trong khoảng không gian chật chội này rồi. Mãi làm nên khi cô ngã xuống sông tôi không để ý và với những người nhà chài như cha con tôi, ngã xuống sông là chuyện vặt. Rơi xuống rồi thì bám vào thành thuyền mà trèo lên. Người nhà chài có ai chết đuối bao giờ. Còn cha tôi, khi cô ngã ông biết nhưng mặc. Với ông, muốn ở nhà chài thì phải biết tất cả những gì

của đời chài cần có, cho dù nó vất vả, khổn khó đến mấy, bằng không, quy luật cuộc sống sớm muộn nó cũng đào thải. Con người ăn, uống vào rồi cũng phải thải ra, không thải ra được sẽ chết. Nhìn thấy cô ngã song ông vẫn ngồi điềm nhiên hút thuốc.

Đời chài động một tí là chạm nước, không những thế, tất tần tật những gì gọi là sự khắc nghiệt của thiên nhiên người chài phải chịu hết. Tất nắng mưa đến bão gió, người làm chài phải hứng chịu nguy hiểm hơn người trên bờ vì không được nương tựa vào đâu. Rồi hơn thế, vào mùa lũ, người trên bờ làm ấm ỉ lên nhưng thực ra cũng chỉ nói cho to, đứng để xem chứ có làm được gì. Người làm chài thì khác, phải trực tiếp đối diện với nó. Lũ, năm nào chả thế. Lũ đến rồi đi, dầm bầy lần cũng chả nhằm nhò, hề hấn gì. Lũ là việc của trời, còn chúng tôi, đánh chài bắt cá là việc của chúng tôi. Trời có lúc nắng lúc mưa thế thôi. Để tồn tại được những người sống trên sông nước phải tự thích nghi với cuộc sống.

Ngày mới lên hai, để có thể tồn tại được với cuộc sống sông nước, cha ném tôi xuống sông mặc tôi chìm nổi tập bơi, giẫy giụa quẫy đạp trong nước chỉ đến khi nào sắp chìm mới lấy vọt xúc lên. Những ngày đầu tôi uống căng bụng nước, ông cầm hai chân dốc ngược rồi quay vòng tròn cho nước tháo ra ngoài. Mẹ tôi thất gan thất ruột nhưng không thể làm trái ý ông. Một ngày, hai ngày rồi ba ngày, cứ chiều chiều là ông quăng tôi xuống nước. Lúc đầu chân tay còn quềnh quàng như chó, lồm bồm đập nước để ngoi lên, sau rồi quen dần, tôi tự học được cách bơi như thế nào cho nhanh, cho đỡ tốn sức. Những đứa trẻ dân chài lên hai phải biết bơi, lên ba đã phải tập chèo thuyền, vá lưới, phân biệt chài năm, chài bảy hay chài chín. Lên bốn tập nhìn sóng biết gió, nhìn nước biết độ nông sâu. Năm tuổi, nhìn tằm biết cá, biết mưa đi đàn tìm nơi sinh sản. Sáu tuổi, đêm nằm ngửa mặt lên trời biết mai nắng mưa hay bão gió, bấm đốt ngón tay tính được ngày con nước. Bảy tuổi đã trở thành dân chài thực thụ, một mình có thể xoay sở tự kiếm sống, xòe bàn tay chai dày như người làm rên, đánh búa. Cha bảo tôi, chẳng có trường lớp nào bằng cuộc sống đang bày ra trước mắt, để sống con người phải tự biết làm gì. Kẻ ở rừng phải biết cưỡi ngựa bắn cung. Kẻ làm ruộng phải biết cày, bừa, cấy lúa. Kẻ sông nước phải biết bơi lặn, quăng chài.

Khi chợt nhớ ra cô Hén là người trên bờ làm sao biết bơi như tôi thì cô đã chìm dưới nước không còn thấy cánh tay giơ lên quờ quạng cầu cứu. Từ trên mũi thuyền tôi lao vội xuống sông, lúc này chắc cha tôi cũng nhận ra cô Hén không phải người chài, ông phóng mình từ trong khoang lao xuống không khác gì con nhái.

Tôi không nghĩ sau sự việc xảy ra cô Hén lại là người chủ động ra đi mà không cần cha tôi quăng trả cô lại bờ như những người đàn bà khác. Trước lúc đi, cô nói với cha giọng thật nhẹ nhàng mà sao nghe tha thiết lạ:

- Em biết rồi anh cũng ném trả em lại bờ như những người đàn bà khác. Để anh làm điều đó anh vừa mang tiếng mà em cũng chẳng sung sướng gì. Thôi thì, một ngày nên ngãi, em xin đi để giữ tròn điều tiếng cho anh. Trước khi xa anh và con, em chỉ xin nói với anh một điều, hận thù chỉ làm cho con người tăm tối. Rồi còn con nữa, nó sẽ sống ra sao khi cuộc đời chỉ một màu đen của lòng căm giận.

Nghe cô nói cha không có phản ứng gì. Ông ngồi bất động, tay xoay xoay chén nước trà mà cô Hén vừa pha cho. Chén trà đặc, nóng khi uống còn đặng đặng trong cổ, uống xong mới thấy vị ngọt và hương thơm của trà, thói quen, ý thích của cha như hút thuốc lòn ngon vậy. Nói xong, cô đưa tay kéo tôi vào lòng, vuốt nhẹ lên tóc. Vô tình, ngón tay cô vướng vào mấy sợi tóc rối. Cô lấy hai tay giế giế ra rồi khế khàng luồn vào như chải thêm một lần nữa. Tự nhiên tôi ép đầu vào ngực cô. Từ ngực cô, tôi nhận thấy có một mùi rất quen mà tôi đã nghĩ thấy lâu lắm rồi, không thể nhớ nổi.

5 - Cô Hén bỏ đi chả hiểu sao cha cũng từ bỏ ý định di chuyển sang khúc sông khác như dự kiến ban đầu. Ông cũng nghỉ làm chài mấy hôm, chỉ ngồi hút thuốc lòn và uống nước chè mặc tôi làm gì thì làm. Lấy cơm nhà hết gạo, rau ăn tôi xin phép cha đi chợ mua sắm.

Cát đường tôi tìm về bến Trầm. Cô Hén đón tôi niềm nở trong ngôi nhà ba gian mái ngói nằm khuất sau rặng tre gai cuối xóm. Ngôi nhà quanh vắng, âm ỉm, vôi trên các bức tường tróc

loang lổ để lộ ra những đường mạch xây lở loét. Ngay chiếc bàn gỗ uống nước kê ở gian giữa khi chạm tay tôi có cảm giác lạnh lạnh. Tất cả các đồ đạc trong nhà được xếp đặt ngăn nắp chứng tỏ chủ nhân của nó là người cẩn chu và rất sạch sẽ.

Ôm tôi trong lòng mà nước mắt cô rơi lã chã. Nép đầu vào ngực cô, tự nhiên tôi lại bắt gặp mùi quen quen mà tôi đã gặp ở đâu đó lâu lắm rồi còn lưu lại trong tiềm thức. Cô luồn tay vào trong tóc tôi, nhẹ nhàng gỡ những chỗ tóc rối làm rối khi tôi đi đường. Nói cái gì, bảo cái gì cô đều gọi tôi là con. Cô hỏi cha tôi mấy hôm nay như thế nào, sức khỏe ra sao rồi tất tần tật các chuyện ăn uống, sinh hoạt hàng ngày từ khi mẹ tôi bỏ đi đến nay. Mới có ba bốn hôm mà cô hỏi cứ như đã xa cả năm cả tháng. Và tôi không thể tin được những điều cô kể, sự thật đấy nhưng sao nó đến nhanh và bất ngờ quá, một sự thật đến phủ phàng, tàn nhẫn. Nhà cô có hai chị em. Mẹ cô sinh ra cô thì chết do băng huyết. Bố cô một mình làm lụng nuôi hai chị em đến khi cô lên năm thì ông đổ bệnh và cũng mất. Người chị lên bảy, người em lên năm phải sống dựa vào sự đùm bọc cứu mang của bà con lối xóm. Thời gian cứ trôi đi, cuộc sống cũng dần dần ổn định khi cả hai chị em đã lớn. Để có thời gian lo toan cho người em ăn học mong sao có ngày ngẩng mặt nhìn đời, chị cô đã từ chối tất cả những chàng trai trong xóm đến cầu hôn. Rồi người em cũng học xong trung cấp sự phạm và lên dạy trên vùng cao. Người chị ở lại nhà, sau thời gian nuôi em ăn học lúc này tuổi cũng đã lớn. Nhà quê, con gái hai lăm hai sáu tuổi đã chẳng có người con trai nào để ý. Rồi một ngày có một người trai làng bên đến ngõ lời yêu thương, người chị đã dồn tất cả tình cảm của mình cho người đó. Khi biết mình có mang, người chị nói cho chàng trai đó biết.

Không ngờ, khi nghe chị cô thông báo, chàng trai đó đã từ chối và tìm cách lánh tránh. Lo lắng cùng quần, sợ điều tiếng, người chị đã bỏ nhà đi đến khúc sông làng bên rồi tự tử những mong rửa sạch nỗi nhục nhã mà đời đang lại. May mắn người chị được một người làm chài trên sông cứu sống. Nghĩ đấy là duyên phận trời định và cũng để trả nghĩa, người chị đã ở lại làm vợ người đó. Bao nhiêu năm người chị đã phải giấu giếm thân phận và sự thật để sống một cuộc sống không phải của mình. Nhưng rồi vì người đàn ông đó tính tình khô khan, cuộc sống sông nước không có hy vọng, gặp quá nhiều khó khăn lại vô tình gặp một người đàn ông khác, nói năng cư xử không như người chồng, kinh tế lại khá giả được người đó chiều chuộng nên đã sa ngã. Biết đó là nỗi nhục của cuộc đời, người chị đã cố gắng làm mọi việc mà ông yêu cầu để mong cứu vãn gia đình. Nhưng người chồng đã không tha thứ, mỗi khi đến bữa ăn, ông lại đem đồng tiền mà người vợ ông bắt xin của kẻ đối địch về bỏ xuống mâm. Nhục nhã ê chề, người vợ đã dứt ruột bỏ con ở lại để đi tìm cái chết. Trước khi chết, người đàn bà ấy đã viết thư nói toàn bộ sự việc cho người em đang làm giáo viên trên miền ngược và nhờ cậy cô trông nom con gái và người đàn ông đã cứu sống mình. Thương chị, người em đã bỏ dạy về để đi tìm. Một lần ra bến sông, cô vô tình nhìn thấy người con gái con ông thuyền chài đang tắm có cái bốt đỏ bên vai trái như lời người chị dặn lại. Và cô đã trở thành người đàn bà ông nhật được ở bến Trầm này. Người ấy chính là cô Hén và người chị không ai khác là người đàn bà mà cha đã nhật được ở mó bỏ mỗi cá ngày nào, người đã sinh ra tôi.

Kể xong cô Hén đưa tôi đến trước tấm gương tử, kéo vai áo trái tôi xuống. Chiếc bốt đỏ tròn như đít bát nằm ngay đầu xương bả vai trái, chiếc bốt đã có bao năm rồi mà tôi không hề biết. Cô đưa tôi đến trước bàn thờ kéo tấm vải che. Trên bàn thờ có ba tấm ảnh, hai người đàn bà và một người đàn ông. Trong hai người đàn bà ấy có một người là mẹ tôi. Nhìn sâu vào tấm ảnh của bà, hình như bà đang khóc, một vệt trắng mờ chảy dài xuống má. Bất giác tôi gào lên: Mẹ ơi. Tôi ngã quỵ xuống.

Tôi lao ra ngoài, theo cánh đồng trước mặt cắm đầu chạy. Tôi không biết chạy đi đâu, chỉ biết rằng chạy thật xa, xa thật nhanh sự thật mà cô Hén vừa cho biết. Trên cánh đồng đang chờ đợi, những thửa ruộng đất phơi nắng vỡ dưới chân, bâng bạc trắng, bước chân tôi trật trượt,

xiêu vẹo vô định giữa một khoảng không gian mênh mông... Một toán đánh dậm quây tròn, tru tréo như bầy sói săn vớ được mồi. Chúng dẫn tôi xuống triền đê. Tiếng cúc áo đứt, tiếng xé vải áo, tiếng lột quần... Trong ánh sáng nhò nhò và tiếng thở đứt quãng, tôi nhận ra có một khuôn mặt đũa trẻ chần trầu ngày trước chuyên rình, nhìn trộm tôi tắm dưới sông. Có cả mùi máu tanh tanh bọn con trai leo cành bàng ngã rơi xuống sông ngày nào bị gãy tay. Khi tất cả đã mệt nhoài vì no nê, thỏa mãn, chúng hè nhau đưa cầm tay, thẳng túm chân ném tôi xuống sông...

Theo dòng chảy tôi trôi xuôi, đôi tay quờ quạng, giật mình nhận ra đang nằm trong mó bở mồi cá mà lớp bùn chưa kịp lấp đầy và cứ nằm đó, rất muốn nằm đó thật lâu cho dòng nước xoa dịu nỗi cồn cào như sóng cắn đứt ở trong lòng.

6 - Khi tôi tỉnh lại đã thấy nằm trong lòng thuyền, cô Hén đang hí hụi làm gì ở bếp cuối đuôi thuyền. Còn cha, ông ngồi cạnh bậu cửa phía khoang mũi, hai chân buông dưới sạp, tay vè vè điếu thuốc lào, như ngày nào mỗi khi mẹ tôi đi chợ về mua cho ông lạng thuốc, ông quay người lại khen mẹ mua thuốc ngon.

Đêm qua, cha tôi ngồi im phắc, chong chong đèn, thức trắng đêm. Ông nhìn tôi xanh lợt, bầy dậy như cua lột gặp bão. Ngọn đèn chai lù mù hắt bóng ông lên vách cong mũi thuyền, chập chờn. Tôi nằm gọn như con mèo vào lòng cô Hén, không còn nước mắt mà khóc nữa. Nhưng cha tôi thì lại khóc, khóc lúc gần sáng. Tôi thấy ông hai lần lên nâng tay áo chùi nước mắt. Những giọt nước mắt hiếm hoi, lần đầu tôi nhìn thấy trên mặt người cha.

Sáng trắng. Cha tôi không đem mồi đi mó đánh chài. Ông rút sào, giọng nói chắc nịch không biết nói với tôi hay với cô Hén:

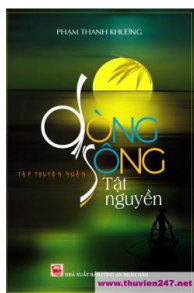
- Từ nay, nhà ta chuyển thuyền về bến Trầm. Đứt khoát không về đây đậu thuyền nữa.

Có tiếng ai đó gọi phía bờ bên kia, nơi cây bàng già nua có những cái rễ mọc trời lên làm chỗ buộc trâu:

- Bác chài ơi. Sáng mai có cá để lại cho tôi mấy con nhá.

Tôi nhào người ra nhìn về phía bên kia bờ, ngược lên cây bàng. Cây bàng đã trút sạch lá, phía đầu chót cành có những chiếc búp nhỏ màu sẫm sẫm nâu. Cây bàng đang vào mùa thay lá mới. Tôi nhìn xuống dòng sông. Trên mặt nước, một vài đám bèo tây trôi lững lờ, thỉnh thoảng lại có vài ba đám rêu, rác trôi theo. Những dòng sông cha và tôi đã đi qua có con sông rộng, có đoạn sông hẹp, có lúc nước trong, có mùa nước đục, có nơi nhiều cá, có khúc ít cá.

Con sông thườn thệu nằm thườn thườn mệt mỏi, vô hồn. Nếu dòng sông là cuộc đời thì những người làm chài sẽ có hai cuộc đời, một cuộc đời của người và một cuộc đời của sông. Trong cuộc đời ấy, những căn nhà thuyền, những chiếc máy sùng sục ngày đêm hút bùn, đào bới, khoan khoét, những rêu rác phải chằng là vết sẹo năm tháng còn hằn sâu đời sông. Dầu trong hay đục, dầu mùa mưa hay mùa khô, dầu là gì đi chăng nữa thì sông vẫn cứ là sông. Nơi ấy tôi đã sinh ra. Tôi chỉ cần biết thế. Và sông ơi, còn những điều khác nữa, sông hãy giấu giùm tôi sông nhé, những khiếm khuyết tật nguyên của cuộc đời. Đời đã sinh ra cha để cho những dòng sông, còn tôi, sông đã sinh ra để cho những cuộc đời như cha, mẹ và cô Hén.



Nguyễn Ngọc Tư: "Tôi luôn tin tưởng vào bản thân mình"



- *Chị có thể nhắc lại mốc thời gian chị hoàn thành tác phẩm "Cánh đồng bất tận"?*
- Tôi đã nói về điều này rất nhiều trên các báo trước đây rồi nên *xin được phép không nhắc lại nữa.*
- *Trong quá trình sáng tác "Cánh đồng bất tận", chị có đọc văn bản nào na ná như những gì mình có ý định viết?*
- Hoàn toàn không. Tôi viết "Cánh đồng" trong tâm trạng trầm trở và lấy tư liệu từ cuộc sống là chính. Thời gian đó tôi cũng chẳng đi đâu xa khỏi quê hương mình.
- *Khi tác phẩm hoàn thành, ai là người chị cho xem đầu tiên?*
- Nhà báo Huỳnh Kim, một người bạn của tôi hiện ở thành phố Cần Thơ.
- *Trước nhiều sự việc xảy ra quanh tác phẩm của mình, chị cảm thấy thế nào?*
- Tôi hoàn toàn tin tưởng vào bản thân tôi và tôi vẫn đang viết.
- *Hiện giờ tâm trạng chị ra sao?*
- Hiện tại, tôi rất mệt mỏi. Tôi vẫn đang viết và viết báo là nhiều. Mới đây trên một tờ báo có phỏng vấn lấy ý kiến tôi về việc này nhưng lại diễn đạt không đúng như ý tôi muốn nói. Tôi không muốn có gì ồn ã, xôn xao, cũng không có gì đến nỗi phải lên báo làm căng thẳng. Đây là chuyện giữa tôi và tác giả Phạm Thanh Khương. Đến lúc nào đó, tôi và tác giả Phạm Thanh Khương sẽ phải đối thoại với nhau.

VnExpress đã liên lạc với ông Huỳnh Kim, hiện là nhà báo ở thành phố Cần Thơ, và được ông cho biết:

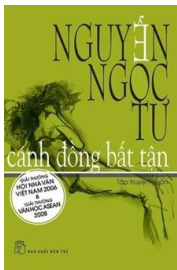
Vào khoảng tháng 4/2005, tôi nhận được e-mail từ Cà Mau của Nguyễn Ngọc Tư truyện *Cánh đồng bất tận*. Lúc đó Tư chỉ mới viết dang dở phân nửa câu chuyện mới chừng chục trang. Ngọc Tư cũng thường mail cho bạn bè những truyện đang viết dở để lấy ý kiến như thế. Tôi đọc xong thấy quá thích nên chuyển cho nhiều người bạn khác nữa cùng đọc và ai cũng khen

hay. Tôi viết mail thúc Tư viết nốt phần còn lại. Đến tháng 7/2005, Ngọc Tư hoàn thành tác phẩm này và có mail cho tôi. Lúc đó truyện được phân làm 7 đoạn, nhưng tôi có góp ý Tư tách đoạn 7 ra thêm 1 đoạn nữa để cho mạch truyện được rõ hơn. Vì thế, hiện tại truyện này được phân làm 8 đoạn.

Vào tháng 8/2005, thầy Trần Hữu Dũng, người từng lập thư viện online về các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư, từ Mỹ về dự hội nghị ở Đà Nẵng đã lặn lội về Cà Mau thăm Ngọc Tư. Sau đó, tôi có gặp anh Hữu Dũng ở Sài Gòn. Hai anh em bàn về tác phẩm mới của Nguyễn Ngọc Tư với rất nhiều tình cảm mến phục.

Tôi nhớ hình như có đọc trên báo Tư trả lời phỏng vấn là viết truyện này trong khoảng 6 tháng. Vậy làm một phép tính nhằm có thể suy đoán Tư bắt tay vào viết *Cánh đồng bất tận* từ khoảng tháng giêng năm 2005.

Cánh đồng bất tận



1.

Con kinh nhỏ nằm vắt qua một cánh đồng rộng. Và khi chúng tôi quyết định dừng lại, mùa hạn hung hãn dường như cũng gom hết nắng đổ xuống nơi này. Những cây lúa chết non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng, nắm vào bàn tay là nát vụn. Cha tôi tháo cái khung tre chắn dưới sàn ghe, bày vịt lúc nhúc chen ra, cuống quýt, nháo nhào quấy ngụp xuống mặt nước vắng phèn. Một lớp phèn mới, vàng sẫm quánh lại trên bộ lông của những con vịt đói, nhóp nhóp bám trên vai Điền khi nó trầm mình bơi đi cặm cọc, giăng lưới rào bày vịt lại. Tôi bưng cái cà ràng lên bờ, nhóm củi.

Rồi ngọn lửa hơi hót thổi dưới nồi cơm đã lên tim, người đàn bà vẫn còn nằm trên ghe. Ngay cả ý định ngồi dậy cũng xao xác tan mau dưới những tiếng rên dài. Mồi chị sừng vều ra, xanh dờn. Và tay, và chân, và dưới cái áo mà tôi đã đắp cho là một cái áo khác đã bị xé tả tơi phơi những mảng thịt người ta cầu nhéo tím ngắt.

Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lét hết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giằng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. Vai nữ chính, một người đàn bà xốc xếch đã lạc giọng, đôi lúc lả đi vì ghen tuông và kiệt sức. Nhưng đám đông rạo rực chung quanh đã vực tinh thần chị ta dậy, họ dùng chân đá vói vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hằn học, hả hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài, nếu như không có một ý tưởng mới nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chặt mái tóc dày kia, dục dặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc đứt lia, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lặn qua chân tôi, đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.

Đám người ngơ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mồi bỏ chạy. Tôi mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe dạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cầm sào chống thực mạng ra giữa sông, mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhảy nhót điên cuồng. Rồi tiếng chửi rửa chối lóì chìm đi, tiếng bầy vịt tao tác kêu dưới sạp chìm đi, trong tôi chỉ có âm thanh của chiếc máy Koler4 nổ khan, rung bần bật dưới tay Điền, khắc ra những đám khói khét lẹt, đen ngòm. Khói trôi về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngó theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vấy lên phơ phất phơ phất ...

Cha tôi không đóng vai trò gì trong cuộc tháo chạy ấy, ông im lặng, khi đã đi khá xa, cha ra đằng mũi cầm sào. Tôi bò vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao cho che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rướm máu. Chị cười méo mào, nói cảm ơn bằng mắt và thiếp đi. Suốt một quãng đường, chị không hề thay đổi thế nằm, im lìm, lạnh ngắt như người chết. Trong ghe chỉ trôi mênh mang những tiếng rên khi dài, khi ngắn, khi thiu thiu buồn xo, lúc nghe như tiếng nấc nghẹn ngào...

Nhờ vậy mà chúng tôi biết chị còn sống, để đi với chúng tôi gần hết con sông Bim Bịp, đến cánh đồng hoang vắng này. Điền hơi lo lắng khi nghe chị vẫn còn rên rỉ, nghĩ là chị đã đói, nó hối tôi nấu cơm mau. Nó thấy tiếc vì trên ghe chỉ còn mấy con khô sặt mặn chát, “tui nuốt còn không vô, nói chi...”

Nhưng chiều hôm đó và cả ngày sau, chị không ăn. Chị từ chối cả uống nước, đợi đôi môi khô đã bắt đầu nứt ra, chị mới chịu hớp một vài ngụm ít ỏi, dường như chỉ đủ ướt môi. Đói và khát, nhưng chị còn sợ đau hơn. Người ta đã đổ keo dán sắt vào cửa mình của chị...

Tôi nói lại với cha và Điền trong bữa cơm. Tôi nghe hai người lặng đi, tiếng đĩa tre khua vào miệng chén ngưng bật. Điền ngó tôi và tôi thì đọc được sự ghê sợ, kinh tởm còn lên trong mắt cha. Điền chan nước vào chén, lua vôi vàng rồi men theo con đường đất dọc mé kinh, nó đi vào trong xóm. Tôi dạn vói theo, ghé tiệm mua giùm ngàn rưỡi đường cát.

Chắc gió đã bạt mất lời tôi, khi quay về, Điền không mang theo gì, nó lẳng lẳng xòe tay trước mặt tôi, tay nó dính một lớp gì đó, bóng mượt, trong suốt, và đang khô quánh lại, khiến những ngón tay đơ ra như đá. Điền bảo, “Keo dán sắt...”. Dường như những người sản xuất ra loại keo này cũng không ngờ nó nhiều công dụng đến thế. Hai chị em tôi tỉ mỉ lột lớp keo ra, mảng da non trên bàn tay nó bồng đỏ như, tươm máu. Chúng tôi cùng ngó về chỗ khoang ghe, nghe tiếng thở thênh thang cùng gió...

2.

Cánh đồng không có tên. Nhưng với tôi và Điền, chẳng có nơi nào là vô danh, chúng tôi nhắc, chúng tôi gọi tên bằng những kỷ niệm mà chúng tôi có trên mỗi cánh đồng. Chỗ chị em tôi trồng cây, chỗ Điền bị rấn cắn, chỗ tôi có kỷ kinh nguyệt đầu tiên... Và mai này khi trôi dạt đến một nơi nào khác, nhắc đến cánh đồng này với cái tên của chị, chắc chúng tôi sẽ xoắn xang. Sáng sớm ngày thứ ba, chị ngồi dậy được, ngó quanh, chị hỏi, “Trời đất ơi, chỗ nào mà vắng tanh vậy nè”. Làng xóm xa xa đằng phía những rặng dừa xanh thắm. Đồng đất trống trơn, trên đôi bờ kinh chợ vợ những cây gòn. Hai đứa nhỏ đầu mượt sương đang hí húi trộn thức ăn cho vịt, nhìn chị ngạc nhiên đến ngây ngất. Giọng nói chị không bị thương tích gì hết, trong vắt và ngọt ngào.

Chị hỏi “Tắm ở đâu, mấy cưng?”. Tôi chỉ xuống kinh. Chị ngó những váng phèn, ngao ngán. Điền nói, đằng kia có một cái ao.

Đó là một hồ bom cũ, bình bát mọc quanh, rau muống chằng chịt phủ kín mặt nước, cọng rau óm nhằng, đỏ au. Chỗ này, hôm qua, Điền đã câu được những con cá thát lát ú mềm. Chị trầm mình dưới đó rất lâu, chẳng kỳ cọ gì, chỉ để nước lạnh chườm dịu lại những chỗ đau. Lúc chị lên bờ, tôi thấy máu lợn cợn theo những giọt nước nhỏ xuống giữa hai đùi, chắc chị đã làm gì với chỗ keo dán ác nghiệt ấy. Rồi cũng lâu lắc, cũng cà nhắc từng bước ngắn như lúc đi, chị với tôi quay lại bờ kinh. Điền hí hửng khi thấy chị chịu mặc chiếc áo sơ-mi thắm phèn và cái quần cụt quần queo của nó.

Chỉ có cha làm lì dạn cỡ quanh chòi. Chỉ có cha là hò hững với thành quả của hai chị em tôi. Không chấp thái độ lẻo lẻo của cha, chị ngó về phía người đàn ông đang vòng lưng trong nắng sớm, chệnh choáng: “Ba mấy cứng đẹp trai dễ sợ...”.

Vì lẽ đó ? Có phải vì cha mà chị ở lại với chúng tôi, trên một cánh đồng vắng ngắt. Những vết thương đã lành rất mau. Chị cười, bị đánh hoài riết cũng quen. Tôi hỏi chị làm gì để bị đánh. Chị cười, “Làm đĩ”. Rồi có lẽ chị áy náy vì quá sỗ sàng với chúng tôi, chị vò đầu Điền “chắc mấy cứng không biết đâu...”.

Điền nhìn tôi cười. Chúng tôi đã gặp nhiều, rất nhiều người phụ nữ giống chị. Cứ mỗi mùa gặt, họ lại dập diu trên đê, lượn lờ quanh lều của những thợ gặt, những người đàn ông giữ lúa và bọn nuôi vịt chạy đồng. Họ cố làm ra vẻ trẻ trung, tươi tắn nhưng mặt và cổ đã nhão, nhìn kỹ phát ứa nước mắt. Đêm đến, sau các đụn lúa, họ thả tiếng cười chút chút, tiếng thở mơn man... lên trời, làm nhiều người đàn bà đang cầm cúi nấu cơm, cho con bú trong lều thất lòng lại. Tối nào mua rượu cho cha, chúng tôi cũng đi ngang qua những đôi người. Chúng tôi nhận ra họ ngay, khi không còn mảnh vải nào trên người họ vẫn điềm nhiên cười khúc khích và uốn éo thân mình chứ không trở ra ngược ngạo, cam chịu như những người phụ nữ quê. Sáng sau, họ xiêu xiêu biến mất, đem theo mớ tiền công ít ỏi suốt một ngày làm việc quần quật của đám đàn ông.

Chị, cũng giống như họ, chớm tàn tạ, đói rã ruột ở thị thành mới chạy xuống quê, cất cái quán nhỏ, giả đồ buôn bán bánh kẹo lật vặt, thực chất là làm nghề. Ở đó đàn ông dễ tính và thiệt thà. Chị sống nhờ những món tiền họ cầm câu đêm đêm, bằng tiền bán lúa, dưa khô hay những buồng chuối chín. Cũng có lúc thu hoạch bất ngờ, khi chị mời chài một người đàn ông vào trò chơi giuờng chiếu, suốt hai ngày đêm, và chị được một triệu hai. Đó là vốn vay xoá đói giảm nghèo, khi về tới nhà, với tám trăm ngàn còn lại trong túi, hẳn người đàn ông ấy nào nề biết bao nhiêu, oán chị biết bao nhiêu khi thấy vợ con nheo nhóc bu quanh nồi khoai luộc trong ngập nhọang nắng chiều.

- Ăn trên mồ hôi nước mắt của người ta nên lâu lâu bị đánh cũng đáng đời, hen mấy cứng ? Chị nói, và ngã nghiêng cười, dường như chị thấy mình trả giá vậy cũng vừa. “Mà hen ghen, nhờ vậy mà gặp được mấy cứng, được ở chung vậy, vui thiệt vui...”.

Cha không vui, vì có thêm một miệng ăn. Bầy vịt cũng không vui, chúng mổ vào chân chị mỗi khi chị bước qua rào, “bà ở đây làm chi để phần ăn của tui tui bị xén bớt, trong máng độn toàn là trấu ngán thấy ông thấy cha, đã vậy còn bắt tui tui đẻ trứng để nuôi bà”. Chị nhảy xồm ra, la oai oái, sau lại cười (mà con mắt đùng đũa phía cha) “mai mốt mấy con vịt quý này sẽ khoái chị, mấy hồi...”.

Nhưng tôi và Điền biết thế nào chị cũng ra đi, trong mỗi mồn. Quãng thời gian chị bên chúng tôi, vì thế cũng mong manh. Nhiều khi lừa vịt ăn mốt một đỗi đồng, nghĩ chị bỏ đi, Điền thẳng thốt chạy về.

- Mấy cứng thương chị thiệt hả ? Tội chưa... !?? ”.

Chị ngạc nhiên, thấy nước mắt ràn rụa trên má thằng Điền (mà chị không biết là nó bị bệnh chảy nước mắt sống từ hồi chín tuổi). Thật cảm động khi đời đánh ta tả tơi bầm dập, vậy mà hai đứa nhỏ này lại triu mến, quyến luyến lạ lùng. Thêm một lý do nữa để chị ở lại với chúng tôi, trong một mùa hạn nóng bỏng, bất thường.

Mùa đến sớm. Vì vậy mà nắng rất dài. Mới rồi, chúng tôi dừng chân ở một xóm nhỏ bên bờ sông lớn mênh mang. Mĩa mai, người ở đây lại không có nước để dùng (như chúng tôi đi trên đất dằn dặc mà không có cục đất chọi chim). Người họ đầy ghê chóc, những đứa trẻ gãi đến bật máu. Họ đi mua nước ngọt bằng xuống chèo, nín thở để nước khỏi sánh ra ngoài vì đường xa, nước mắc. Buổi chiều đi làm mướn về, họ tụt xuống ao tắm tấp thứ nước chua lét vì phèn, rồi xối lại đùng hai gàu. Nước vo cơm dùng để rửa rau, rửa rau xong dành rửa cá. Con nít ba tuổi đã biết quý nước, mắc lăm cũng ráng chạy ra vườn hái vô chậu ớt, chậu hành (báo hại cây rui lá). Ở đó, có người con trai bảo, “ước làm sao trước lúc má tui chết, bà được tắm một bữa đã đời”. Câu nói này làm tôi thương anh ta quá chừng. Hôm tôi đi, anh tàn ngần đứng bên

hè, hỏi nhỏ “Không biết em có muốn ở lại với... má tui?!”. Tôi lắc đầu, hai gàu nước ít ỏi của má anh, tôi nở nào sẽ nữa ?

Tôi giục cha rời khỏi cái xóm tàn tạ đó. Những cánh đồng chúng tôi qua, lúa chết khô khi mới trở bông. Người ta không thể trồng đậu, trồng dưa vì thiếu nước. Bầy con nít giỡn nhoi trên những con kinh khô trơ lòng.

Chỗ chúng tôi cắm lều cắm vịt, nước đã sắc lại thắm một màu vàng u ám. Nhưng chúng tôi chẳng có chỗ nào để đi nữa, từ bờ bên kia của sông Bìm Bịp là vùng đèm cho những cánh rừng tràm lớn. Mùa này, người ta lấy nước từ tất cả các dòng sông nhỏ, các con kinh để bơm vào rừng, chống cháy. Chúng tôi cũng không thể ngược sông Bìm Bịp băng qua vùng Kiên Hà, ở đó họ kiếm dịch thú y rất gắt gao. Và dịch cúm gia cầm nghe đâu vẫn còn bùng phát khắp đồng bằng.

Để bầy vịt khỏi bị chôn sống (điều đó đồng nghĩa với việc đứt vốn cho mùa sau), bọn tôi quyết định vẫn cắm chúng ở đây. Chúng được nuôi trong sự mỗi mòn. Ngày ngày, tôi lùa vịt đi ăn mót những bông lúa khô quắt queo trên đồng, không có nước chúng bì bạch, chặm rì và chẳng thể đi xa. Trứng thừa thớt, những quả trứng chúng đẻ ra cũng chai ngắt, dài nhằng, nhẹ tênh, vỏ dày sần sượng. Đòi hỏi gì nữa ở những con vịt đã già, đã đẻ quần quật suốt ba mùa trước, đã vô vọng vì ngày càng khó tìm lúa và cám trong máng thức ăn. Ngay cả nước để chúng tắm tấp cũng chua lét vì phèn.

Mà, mùa mưa vẫn còn xa lắm.

Ngày ngày, Điền rủ chị đi giăng lưới, nhắp cá và tát những cái mương cạn. Cá ăn không hết, chị đem vô xóm bán và hãnh diện đưa cho cha vài mươi ngàn thừa sau khi đã sắm ít quần áo. Mắt chị nhìn cha đầy khiêu khích, “Cuộc đeo đuổi vẫn còn dài, cưng à...”.

Chị đồ lì. Chị tìm mọi cách để sà vào cha. Một bữa chị bảo Điền xuống ghe ngủ với tôi, còn chị sẽ lên chòi. Đó là một đêm tối nhờ nhờ, trôi trên trời một mảnh trăng mỏng leo lét. Điền ngo nguậy, xoay trở liên tục, nó kêu khó ngủ, đòi nghe tôi hát, bài gì cũng được. Nhưng Điền vẫn thao thức, dường như giọng hát tôi không át được tiếng sột soạt rạo rục trong cái chòi nhỏ trên bờ. Điền chề ngủ ghe chòng chành quá chừng. Tôi biết lòng nó đang chao.

Điền có những ngày bối rối. Nó hay hỏi tôi, “người ta thương mẹ ra làm sao?”. Mặt nó dãn ra, khi biết cây kẹp tóc, trái dưa tươi hay con cá thác lác... mà nó dành cho chị cũng giống hệt như người ta vẫn thường cho mẹ. Và niềm nhớ lúc đi xa, nỗi khao khát được nằm gần, được dụi mũi mình vào da thịt người đó... cũng tự nhiên như ý nghĩ bình thường nhất của những đứa con. Nhưng những nghi hoặc vẫn loay hoay trong mắt Điền, và nó quyết định chịu đựng một mình, khám phá một mình. Thí dụ như đêm nay, cái gì khiến tim ta đau nhói, cái gì làm cho ta cảm thấy giận dữ, nặng nề ?

Khi tôi thức dậy, Điền đã mệt mỏi thiếp đi, nó nằm co quắp, hai tay kẹp giữa đùi, mặt buồn như phủ một lớp sương giá. Chị bước ra khỏi chòi, khoan khoái vươn vai. Sự ửng ý, mãn nguyện lấp lánh trên khoé mắt. Khuôn mặt chị tràn ngập ánh sáng, như chị vừa mở ra một cánh cửa mặt trời. Có một con đường nào đó trải dài trước chị. Chị cười, bảo :

- Hồi hôm sương nhiều ghê, nó nhiều lên mặt chị hoài, nhột gần chết.

Rồi chị giành nấu cơm. Chị xoắn tay áo lên hì hụi thổi lửa, đầu tóc xấp xãi dính đầy vảy cá.

Trông chị như bà vợ tảo tần. Hình ảnh ấy làm tôi ứa nước mắt, nhưng cha tôi chỉ lạt lẻo nhếch cười. Vì cái cười đó mà tôi ứa nước mắt thêm lần nữa.

Cha đưa chị một ít tiền ngay trong bữa cơm, khi nhà đủ mặt, “Tôi trả cho hồi hôm...”. Rồi cha điềm nhiên phủi đất đùng đĩnh đứng lên, sự khinh miệt và đắc thắng no nê trong mắt. Chị nhét tiền vào trong áo ngực, cười, “Trời ơi, ba mấy cưng sộp quá chừng”.

Điền và tôi rủ chị đi câu (Chúng tôi cho là chị buồn, dù chuyện đó khá tức cười, làm điếm được trả tiền mà buồn nỗi gì). Suốt buổi, không dính con cá nào, chị nói, “Mắc cười quá, tới mấy con cá quỷ này còn chề chị”. Câu nói nghe tỉnh bơ, băng quơ mà tui vô phương. Điền lặng bắt con cá rô lợi xuống mương, lặn sâu, móc cá vô lưới câu của chị. Lúc nó trôi đầu lên thì đã thấy chị cười.

Trưa ấy chúng tôi trầm nghịch dưới nước rất lâu. Chị cười nôn khi thấy bùn bám dưới mũi tôi xám xanh như bộ râu củ ấu. Tự dưng nét mặt chị bỗng âu yếm lạ, như đang nựng nịu một đứa bé con và thằng em trai mười bảy tuổi của tôi đứng đực ra, chết lặng trong nỗi ngỡ ngàng ngừng. Nước còn cào chỗ bụng nó, tôi biết chị đang táo tợn làm gì đó phía dưới. Rồi phát hiện ra một mắt mát lớn lao, chị thẳng thốt kêu lên :

- Trời đất ơi, sao vậy nè, cưng ?

Chị toàn hỏi những câu hỏi khó. Chỉ nghe thôi đã đau, nói chi trả lời. Thí dụ như có lần chị hỏi “Má mấy cưng đâu ?”, “Nhà mấy cưng ở chỗ nào ?”, thằng Điền đồ quạu :

- Biết chết liền!

3.

Những chiều ghe chúng tôi đi ngang qua những người đàn bà ngồi giặt giũ dưới bến sông, tôi hay hồi lòng, có phải tôi vừa ngang qua má đó không. Tôi cố giữ trong lòng hình ảnh má nhưng rồi ngày càng tuyệt vọng khi thấy nó nhạt nhòa dần, cứ nghĩ mai này gặp lại mà không nhận ra nhau, lòng nghe buồn thiệt buồn.

Má tôi hay mang xoong chảo ra bực sông chùi lọ nghe, sẵn đón ghe hàu(bông mua ít rau cải tươi và bán lại những quày chuối chín bó trong vườn. Dần dần, buổi chiều, đám thương hồ hay lại neo ghe chỗ mấy cây mắm trước nhà. Một người bảo không sao xa được người đàn bà có cái cười làm lấp lánh cả khúc sông. Má tôi nguýt dài :

- Dóc...

Người đàn ông cười hề hề, thề “ Tôi nói láo cô Hai cho xe đụng chết ngắc” (Ngay lập tức, Điền thì thầm, “thằng chả ở dưới ghe kiếm đâu ra chiếc xe, nói dóc...”, và bằng cái vẻ ác cảm lạ lùng, thằng Điền biểu tôi nhìn khuôn mặt và tấm lưng trần chi chít những nốt ruồi của ông ta, bảo “Tại hồi đó má ông mới sanh ông ra quên lấy lòng bàn đạ, nên ruồi bu tùm lum”).

Cho dù người đàn ông ấy có quá nhiều nốt ruồi, cho dù chẳng cao ráo, đầu ít tóc... nhưng với chiếc ghe chõr đầy vải vóc, những người đàn bà lam lũ quê tôi vẫn thường trông ngóng ông ta. Tất cả họ đều trở thành trẻ thơ khi bước chân lên ghe, họ tíu tít, háo hức, họ thêm muốn đến bòn chồn rồi dùng dằng trở lên bờ với tâm trạng tiếc nuối, ngậm ngùi, thấy mình già khi ngang qua bờ lúa vừa hót bót một lỏm, thằng cha bán vải lấy mấy giạ mà như khứa một ít tuổi xuân đi. Cả đời, cái bờ lúa luôn làm lòng họ đau đáu, khi nghĩ tới bệnh tật, chuyện cất lại cái nhà, hay dựng vợ gã chồng cho con cái.

Bờ lúa nhà tôi đã cạn từ sau Tết. Điền đó làm má tôi hơi buồn, nhưng người bán vải xăng xái bảo, “Cô Hai cứ coi đi, không mua cũng được – rồi ông ta sừng sốt khi thấy má rạo rục khi ướm thử những khúc vải rục rở lên người – Chèn ơi, coi nó bình thường vậy mà khoác lên mình cô Hai lại thấy sang quá trời”. Má bỗng nhiên thắc thỏm :

- Dóc...

Tôi chưa bao giờ thấy cái màu đỏ lạ lùng ấy. Đỏ hơn bông búp ngoài sân, đỏ hơn máu. Má ngó chúng tôi, hỏi: “Gì mà nhìn trân trân vậy hai đứa ?”. Tôi nói, “Má lạ quá hà, nhìn không ra”. Má mừng quýnh, “Thiệt hả ?”. Tôi muốn khóc quá chừng, má con xa lạ với nhau mà sao lại mừng ?

Một bữa tôi chiêm bao, chẳng đầu chẳng cuối gì, chỉ thấy vĩa má giã dựa trong tấm vải đỏ lạ lùng kia nhưng nó thít chặt, riết lấy, siết dần cho tới khi má thành một con bướm nhỏ, chập chới bay về phía mặt trời. Giật mình thức dậy mới hay mình ngủ quên trong kẹt bờ lúa, con chó Phèn ngoài hè nôn nóng cào đất rột rột chỗ cái lỗ chui (Chắc má tưởng hai chị em tôi đi chơi nên chốt cửa trước cửa sau mất rồi). Mà Điền ngồi ém ngay đó, lì ra, không cục cựa, mình nó mướt mồ hôi, không có vẻ gì là nó đang khóc, nhưng nước mắt chảy ròng ròng. Tôi ôm đầu nó, giấu ánh nhìn của nó vào ngực mình.

Đứa mười tuổi quay lưng lại, đứa chín tuổi úp mặt vô áo chị nó, nhưng cả hai vẫn như thấy rõ ràng, trên chiếc giường tre quen thuộc, má oằn uốn người dưới tấm lưng chơm chớm những nốt ruồi. Họ cấu vùi. Vật vã. Rên xiết.

Đó là hình ảnh ấn tượng cuối cùng của má tôi trên nền một cái nhà nhỏ, đằng trước có bộ bàn chữ U, bộ vạc tre, rồi đến một cái bồ lúa nhỏ dựng gần giường ngủ, và gian bếp thấp. Quanh hè, dài theo những lối đi ra vườn, ra bến là những cục đá tảng, những thân dừa chẻ hai, cha tôi đã hì hục lót để suốt một mùa mưa, chân má tôi không bị dính sinh bùn.

Suốt nhiều năm sau đó, tôi không dám nhớ má, bởi ngay vừa khi nghĩ đến má, ngay lập tức hình ảnh ấy hiện ra. Theo đó là rục rờ trên da thịt màu vải má tôi vừa đổi được (không phải bằng tiền, hay lúa). Mà, đáng lẽ phải nhớ tới khúc má nằm võng hát đưa mình ngủ ấy, hay đoạn má ngồi giặt áo bên hè, hay má cúi đầu giữa vầng khói mờ màng, thổi lửa bếp ung... Má có rất nhiều hình ảnh đẹp, và cả khuôn mặt lo lắng của má khi chiều ấy vẫn còn đẹp, nhìn thấy nước mắt không ngừng tuôn rơi trên mặt thằng Điền, má thảng thốt hỏi: “Mèn ơi, mắt con sao vậy?. Tôi trả lời, day day chậm rãi, “Chắc tại nó nhìn thấy chuyện bậy đó, má. Trưa nay nó ngủ kẹt bồ lúa”. Má chết lặng nhìn tôi, cái nhìn như lịm đi trên khuôn mặt đẹp nảo nề.

Không thể giải thích vì sao tôi lại hể hả.

Và tôi luôn nghĩ rằng chính vì câu nói đó mà má tôi ra đi.

Tôi chạy qua nhà hàng xóm, nói với thím Tư rằng má đi mất tiêu rồi. Cả xóm tưng bừng, kẻ mừng vì vợ mình chưa bỏ theo trai, người vui vì con đàn bà đẹp nhất xóm đã đi rồi, khỏi lo ông chồng suốt ngày thòm thềm dòm ngó, cũng có người buồn, ghe vải chắc chẳng quay lại xóm này. Mọi người bàn ra tán vào, xôn xao, bắt tôi nhớ lại coi trước lúc đi má tôi có hành động gì đặc biệt mang tính dự báo không? Chuyện này quan trọng lắm, nó cho người ta tự kiểm tra trình độ trải nghiệm, suy đoán. Thí dụ như nhà nào có người mới mất họ kêu lên, hèn chi đêm trước có nghe chim cú kêu, thê thiết lắm. Thí dụ như nhà nào bị mất trộm, họ bảo nhau, hồi hôm tui nghe tiếng chó sủa thiệt kỳ, là tui nghi rồi... Nhưng chuyện ra đi của má tôi không mấy ly kỳ...

- Hồi chiều má con không nấu cơm...

- Vậy sao?

- Má con nằm trên giường thờ dài...

- Vậy hả? Thờ ra làm sao?

Tôi hết biết tả. Tiếng thờ thườn thợt, nghe buồn mênh mông, chảy từng giọt như nước mắt. Má tôi thờ dài khi ghe cha ghé bến vì biết mai mốt cha lại đi. Má tôi thờ dài khi tắm, khi nước trôi dài trên làn da trắng như bông bườì. Lúc ngồi vá những bộ quần áo cũ. Mỗi lần ghe vải ghé trước bến, má cũng thờ dài, tay bối rối nấn vào hai túi áo mỏng kẹp lép. Thờ dài cả khi thằng Điền bảo cho con xin tiền mua kẹo, má ơi.

Mọi người không thất vọng, họ cho thời gian lùi lại xa xa, thì ra cũng đã có điềm báo trước mỗi nhân duyên này tan rã, ngay cái bữa đầu tiên, ngay lần gặp đầu tiên. Má tôi ngồi khóc bên bực con sông Dài, cha tôi chèo ghe đi ngang, đã qua khỏi một quãng nhưng vì mũi lòng, cha quay mũi lại. Cha hỏi, cô về đâu tôi cho quá giang. Má tôi ngược lên, mặt ràn rụa nước, “tôi cũng không biết về đâu”. Cha tôi chở người con gái tội nghiệp này về nhà, và trong thời gian suy nghĩ tính coi mình đi đâu, má yêu cha mất rồi, sau đấy thì để hai chị em tôi. Rõ ràng, quá rõ ràng, thấy chưa, má tôi chỉ quá giang một khúc đời rồi đi, ai cũng linh tính vậy, chỉ cha tôi là không, nên bây giờ mới khóc hận, cười đau.

Tới đây thì hết chuyện nói, hàng xóm ra về. Giống hệt như vừa tan đêm hát, họ xì xào đi vào trong đêm, tiếng chó sủa rộ lên dài theo những con đường xóm. Tôi và Điền nằm nhìn trần tráo lên nóc mùng, nghe gió hui hút trên những ngọn tre già bên hè. Một hồi, thím Tư qua, thím kêu hai chị em tôi qua nhà thím ngủ.

Sáng sau, thím đi chợ, tới bến tàu, cho hay “Vợ Út Vũ bỏ nhà. Theo trai” Ông chủ chiếc đò chạy tuyến Hưng Khánh nói lại với mấy bà bạn hàng, và chiều lại cha tôi mới nhận được lời nhắn ấy khi đang lên đò dong cho một ngôi nhà gần chợ Hội. Nghe nói cha tôi còn cười, giọng ra vẻ giận, “Bộ hết chuyện giỡn rồi sao, cha nội?”. Có vẻ khó tin, khi một người nghĩ rằng, chỉ cần mình hết lòng yêu thương, gánh hết sự kiếm sống nhọc nhằn thì sẽ được đền đáp xứng đáng. Có vẻ buồn cười... Và cha tuột xuống đất, run rẩy...

Quãng hành trình về nhà có vẻ rất dài và khắc nghiệt, nó vất kiệt cha tôi. Cha cười cay đắng, khi thấy quần áo má còn treo trong nhà, còn cả cái khăn tắm và đôi dép Lào cũ, như thể má đang chơi bên xóm, chỉ cần thằng Điền kêu má sẽ xấp xải chạy về, mừng hóm hỏi “Đi chuyến này nữa là đủ tiền mua ti vi màu, phải hôn anh?”.

Coi kỹ thì má không đem theo gì. Chi tiết đó làm đau lòng người ở lại, nó cho thấy người đi đã chẳng suy nghĩ, đắn đo, đã không một chút trù trừ, chỉ rủ mình cái rột, sạch trơn, vậy thôi. Cha đem tất cả đồ đạc của má đem đốt. Khói bay mù mịt trong nhà, mùi vải, mùi nhựa cháy khét lẹt, những cái áo hồng áo tím rúm ró lại, chảy thành những giọt tro. Cha nhìn ngọn lửa, mặt đanh lại, rồi mắt bỗng rục lên, ngây ngất vì một ý nghĩ mới lạ.

Chúng tôi dong ghe đi, quận lòng ngoài lại căn nhà đang quay quắt dữa trong lửa đỏ.

Nghe vắng theo âm thanh lộp bộp rất giòn của những thanh gỗ cháy, và tiếng xóm giềng í ới gọi nhau. Chắc chắn sẽ có người vỗ đùi cái đét, “Hồi hôm qua, ngó cái mặt u ám của Út Vũ, tui nghi thể nào thằng chả cũng đốt nhà. Nghi đâu có đó, thiệt là y như để vậy, các cha”.

Kể nhiều chuyện như vậy là để trả lời chị, nhà tôi, má tôi, rốt cuộc đã trở thành tro bụi mất rồi. Nên khi hết mùa lúa chín, những người nuôi vịt chạy đồng khác đã trở về nhà còn chúng tôi lại tiếp tục lang thang.

Đàn vịt đưa chúng tôi đi hết cánh đồng này đến cánh đồng khác. Đôi khi không hẳn vì cuộc sống, chúng là cái cớ để chúng tôi sống đời du mục, tới những chỗ vắng người. Ở đó, ít ai phát hiện ra sự khác thường của gia đình tôi, và ít hỏi cái câu, “Má mấy đũa nhỏ đâu?”. Để cha phải buột lòng nói “chết rồi!” và cười lạt khi nghe người nào đó kêu lên : “Mèn ơi, tội hai đũa nhỏ hôn”.

4.

Lần đầu tiên hai chị em tôi lạc giữa đồng. Cơn mưa buổi xế chiều làm tắt rụi ánh mặt trời, và đêm tối nhanh chóng ập xuống. Mưa giăng bốn bề, những rặng vườn trở nên xa vời, mờ mịt, căn lều và chiếc ghe của mình nằm ở phía nào vậy ta, Điền hoang mang hỏi. Chúng tôi lội xom xom xuống một mé vườn và rẽ rời tuyệt vọng xua bầy vịt quay ra. Cha tôi đã bỏ về ghe từ giữa trưa, có thể cha đã uống rượu say và ngủ mất tiêu. Có thể cha còn thức nhưng cha không đi tìm. Khóc đã đời, một hồi, thấy trời ngày càng tối, chúng tôi quyết định buông trôi, tha thể đi theo bầy vịt, biết đâu...

May sao, chúng nhớ đường về. Khi nhìn thấy ánh đèn chong leo lét đầu ghe, chúng tôi mừng như chết đi sống lại, Điền nắm tay tôi chạy như điên, nước đồng văng sáng trắng. Bầy vịt tao tác một phen (báo hại đêm đó tụi nó nín đẻ). Cha tôi ngồi chờ bên cạnh cây roi.

Sau này, đã tự học cách định hướng bằng bằng mặt trời, bằng sao đêm, bằng gió, bằng ngọn cây... nghĩ tới lần lạc đồng, thấy cười quá chừng. Mắc cười hơn là Điền, vốn rất sành sỏi đường đi nước bước, lại bị lạc lần nữa, giữa ban ngày. Nó loay hoay ở giữa một gò đất chùm gọng leo dày mịt, không biết vô đó bằng đường nào nhưng chẳng thể quay ra, có người đàn bà bưng rổ bánh quy lại, biểu nó ăn. Đói quá, thằng Điền ngón gặm chực cái. Lúc tôi tìm được nó nhờ tiếng rên ư ử, bụng nó đã lạc lè, và miệng đầy sinh đất. Quay đi quay lại không có bóng người, chỉ có cái mả lạng nằm sát đất, ròi ròi cỏ xanh.

Những ngày sau này, tôi một mình trở lại gò đất, nhưng chờ hoài không thấy ma hiện ra. Nghe thằng Điền kể, người đàn bà đó thiệt hiền, chỉ đau đầu vuốt tóc nó và ánh nhìn chan chứa thương yêu. Tôi nghe mà khóc muốn chết, sao con ma đó không chịu giấu tôi giùm cái.

Rồi tôi ngồi quẹt tay lau nước mắt đi, kỹ càng, để gương mặt an nhiên, ráo hoảnh. Tôi quyết không để cha thấy mình buồn, quyết không để cha bật ra cái câu “Chịu hết nổi cái cảnh sống này rồi hả? Chừng nào đi?”.

Cha vẫn thường đánh chị em tôi, thường đánh khi vừa ngủ dậy. Đó là khi người ta thấy hoang hoải, chán chường, sau một giấc dài, mở mắt ra, vẫn gió đầu hiu, vẫn nắng võ vàng trên những cánh đồng hoang lạnh. Và tôi tự nhớ lại coi hồi sáng này, hồi trưa này mình đã làm gì giống má, kho cá bỏ quá nhiều tiêu? Hay vì tôi buộc tóc nhong nhong? Hay tại tôi ngồi bắt chỉ cho thằng Điền?

Hay tại tôi càng lớn càng giống má. Có bữa, nửa đêm thằng Điền thức giấc, nhìn thấy tôi day lưng lại lui cui vá áo, nó thảng thốt kêu “Má ơi!”. Tôi cảm thấy mình thất vọng đến rã rời. Những thói quen, những cái gì liên quan đến má tôi phải gần sạch rồi, nhưng tôi làm sao có thể từ bỏ hình hài này.

Tôi đành để cha đánh để ông bớt đau chút lòng. Sau này chị em tôi không day dứt chi cho mệt, vì hiểu thấu ra, mình bị đòn chỉ vì là con của má, vậy thôi.

Với chúng tôi, quãng thời gian ấy vẫn còn vui lắm, sau này, cha tôi chán không đánh nữa. Cha ơ thờ, lạt lẽo, chuyện gì cần nói thì nói vài câu nhát gừng. Cha giao bầy vịt cho hai đứa tôi, lúc rảnh ngồi gọt đẽo những cán dao, tẩm thớt hay lẳng lẳng vác cần câu đi câu cá, vừa bán được tiền, vừa khỏi phải nhìn những đứa con của một bà mẹ bạc lòng. Thành ra, cái ghe thấy nhỏ, lại rộng vô cùng tận, loay hoay chỉ ba con người, nhưng nhiều năm trôi qua, hai chị em tôi vẫn cảm thấy xa cách cha. Có lần, khi đi trên sông, thằng Điền giả đờ té chìm ngấm mắt tằm, tôi giả đờ kêu la chói lói, cha hơi giật mình hoảng hốt, dợm lao xuống nước, nhưng rồi cha điềm nhiên ngồi lại, tiếp tục gọt đẽo, chắc là nhớ ra thằng Điền đã lặn lội nước sông từ năm bốn tuổi, sức mảy mà chết trôi.

Chúng tôi biết là khó đòi hỏi gì hơn nữa, chỉ một chút xao lòng của cha, là mừng lắm rồi. Cha giống như đồ vật bằng gốm vừa qua cơn lửa lớn, vẫn hình dáng ấy nhưng đã rạn nứt, nên chúng tôi chỉ dám đứng xa mà nhìn, mủ mĩ nâng niu, nếu không thì vỡ mất.

Và chiếc ghe, cánh đồng, dòng sông thênh thang mãi...

Tôi và Điền buộc phải tự học lấy cách sống. Nhiều khi dễ đến không ngờ... Nhờ Điền bị rắn hổ đất cắn mà chúng tôi biết được cách phân biệt vết răng của rắn độc. Nó để lại trên cổ chân Điền một cặp vết răng như hai cái lỗ nhỏ, sâu hoắm. Tất nhiên, phải nhờ người thợ gặt tốt bụng vác thằng Điền chạy một đỗi đồng để tới ông thầy lấy nọc rắn, nó mới giữ được cái mạng để rút... kinh nghiệm. Sau này, một lần băng qua một đám cỏ dày, đến lượt tôi bị rắn cắn, tôi kêu, Điền ơi, chắc Hai chết trước à. Thằng Điền nhìn vết thương nó cười, nói không sao, số Hai sống lâu lắm, hai hàng răng tươm máu giống hệt nhau như vậy, chắc cú là rắn bông súng cắn chơi thôi. Và nhìn bướm bay, nhìn mây trôi tôi biết ngày nắng hay mưa. Nghe bìm bịp kêu chúng tôi biết nước lên. Dừng ghe ở một tuyến kinh nào, thằng Điền trèo lên ngọn cây cao, ngó bao quát cánh đồng và tính toán xem có thể cầm vịt ở đấy bao lâu thì hết thức ăn, đứng chóc. Hay chúng tôi tự phán đoán ở đâu vụ mùa đến sớm, vùng nào lại trễ tràng để rời cánh đồng này, chúng tôi đến ngay một cánh đồng khác, ngay khi lúa vừa chín tới.

Thành ra, mùa du mục của chúng tôi kéo dài liên tục từ mùa mưa sang nắng, rồi lại mưa.

Nhiều lúc tôi hơi nhớ con - người. Họ ở trong cái xóm nhỏ kia, chỉ cách chỗ chúng tôi dựng trại vài ba công đất. Họ lúc nhúc trên thị trấn kia, nơi chúng tôi vẫn thường ghé lại mua gạo, cám, mắm muối... dự trữ cho những chuyến chạy đồng xa. Và họ ở gần ngay đây, họ vừa gặt lúa vừa nói chuyện tục tĩu rồi cười vang bên bầy vịt đang rúc rích tìm thức ăn, nhưng tôi vẫn nhớ...

Có lẽ vì cuộc sống của họ ngày càng xa lạ, với chúng tôi. Họ có nhà để về, chúng tôi thì không. Họ sống giữa chòm xóm đông đúc, chúng tôi thì không. Họ ngủ với những giấc mơ đẹp, chúng tôi thì không. Nằm chèo queo, co rúm, chen chúc nhau trên sạp ghe, chúng tôi đánh mất thói quen chiêm bao. Điều này làm tôi và Điền buồn biết bao nhiêu, vì cách duy nhất để được nhìn lại hình bóng má cũng tan rồi. Mà, thí dụ như những cơn chiêm bao quay trở lại, chúng tôi không biết chắc là hình ảnh ấy của má có xuất hiện hay không.

5.

Mùa khô năm tôi mười ba tuổi, bầy vịt lặn ra chết gió. Để kiếm sống, cha tôi quay lại với nghề thợ mộc. Cha nhận đóng giường, tủ cho một vài nhà trong xóm Bàu Sen, chúng tôi neo ghe lại đó dài ngày.

Cái cảm giác đang ở xóm cũ (có ngôi nhà cũ) vây riết lấy chúng tôi (chữ “chúng tôi” tôi không kể cha vào). Những trưa xé ngời ngoài hàng ba một nhà trong xóm, tôi tước lá dừa thất cào cào châu chấu, Điền ngó nắng rưng rưng ngoài sân, nói “sao gió ở đây giống hệt gió nhà mình”. Hai đứa tôi muốn khóc.

Chị chủ nhà ngần ngại nói với cha, “Ngó mặt hai đứa con anh thấy thương quá, thấy... không bình thường”. Cha tôi cười nhẹ, “Vậy hả ? Ờ ờ...”.

Đứa con gái chị chủ nhà trạc tuổi thằng Điền, rủ chúng tôi vào nhà chơi. Nhưng nó luôn nhận được những cái lắc đầu. Chúng tôi sợ quá cái bồ lúa trong nhà, hình ảnh nó làm cả hai chị em ngạt thở. Thật lạ làm sao, khi mà chúng tôi đã quen dần với những - hình - ảnh - giống - mình (tức là bị bỏ giữa đời chơi vơi), thí dụ như nhìn một chiếc đĩa gãy, cái nắp nồi vỡ, hay bầy gà con lạc mẹ nhao nhác... Nhưng không quên được, cái bồ lúa ngai ngái mùi cứt trâu, giữa nó và vách nhà là một khoảng hơi tối nhưng rất thu hút trẻ con. Chúng hay giả bộ đó là nhà của riêng chúng, để bày biện, nấu nướng, đóng vai chồng vợ, vai má con. Để lúc bị đòn, chúng cũng chui tọt vào đó, khóc một mình, nhiều khi ngủ quên luôn (và người lớn thì hải hùng, sao không thấy đứa nhỏ đâu, nó bỏ đi về ngoại, nội? hay đã vô ý trượt chân té xuống đĩa ?). Cái kẹt bồ lúa, cũng đã từng là thiên đường mơ mộng của hai chị em tôi, bẻ trái trứng cá làm cơm, múng dừa là chén, giả đồ “ăn” no, giả đồ tối rồi, đi ngủ, một bữa kia chơi chán lăn ra ngủ thiệt, thức dậy bỗng thấy cuộc đời mình thay đổi quá trời đất, như đã sống qua một kiếp rồi. Nhưng chín mười tuổi đã đủ để gọi là một kiếp người chưa ?

Chúng tôi chẳng phải những đứa trẻ bình thường, cuối cùng nhỏ con chị chủ nhà cũng nhận ra, nó bỏ mặc. Nó là một đứa trẻ xinh đẹp nhưng hỗn hào, cái kính, nó chẳng khi nào kêu má ơi má à, khi cần, nó chỉ cộc lốc bảo, tui đói bụng quá bà ơi. Người mẹ phân bua với cha tôi, “Tại ba nó mê theo vợ bé nên không ai dạy...”.

Chị cũng bận rộn, te tái cấp nón đi suốt, tìm ông thầy này, bà cốt kia, để thỉnh bùa chú cho ông chồng quay lại. Và mỗi khi thất bại, chị lại quả quyết là bùa của tình địch mạnh hơn. Nói như vậy dường như để cho tâm bớt đau trước sự thay lòng. Chị có cả một kho tàng về chuyện đồng cốt, những người có khả năng thấu đáo cõi âm, cõi trời và cõi người. Họ biết chữa bệnh (có thể lấy từ bụng ta ra một nùi tóc với cái lưỡi dao cạo, hay dùng hột gà luộc lăn trên da thịt ta, sau đó bẻ cái trứng ra cho ta coi một nhúm lông... chó mực), cũng biết dùng những tấm bùa được vẽ bằng máu... lưỡi để êm chết người và cuối cùng, họ đem được người ta yêu trở lại. Chỗ này khá mắc cười, bởi tấm bùa có linh nghiệm thiệt thì người quay về cũng không phải của - mình. Những sẵn sóc nâng niu, những lời nói ngọt ngào... tất cả đều không thật (mình biết tông tông tong là nhờ bùa ngãi chớ thương yêu gì). Và cái cười dịu dàng kia, ánh mắt ấm áp kia, nụ hôn ngọt ngào kia, vòng tay nồng nàn kia... cũng vậy. Đó là chưa kể phải thoi thóp lo âu một ngày bùa thiêng hết tác dụng, thằng đàn ông rùng mình một cái, ngơ ngác hỏi ủa, sao hai đứa mình nằm chung giường vậy, xin lỗi nghen, chắc tại hồi hôm tui xỉn quá nên chui ầu vô mừng bà. Rồi ông ta nhìn về mặt đau đớn của mình, kinh hoàng: “Trời đất ơi, bộ tui đã làm gì bậy bạ sao?”. Tất cả sẽ chấm dứt ở đó, ông nọ phải sạch những ngày tháng mặn nồng. Với ký ức trống trơn, họ phơi phới ra đi, còn mình thì nhớ hoài, đau hoài...

Nhưng chẳng tin vào bùa thì còn biết làm gì nữa, chị cũng đã lặn lội tới nhà tình địch, đã xé quần áo của cô ta, xõn tóc, lôi xềnh ra biêu riều giữa chợ rồi, chị kể. Bằng cái giọng rộn rã, giòn tan chỗ cao trào, rồi chị hết sức chậm rãi, tỉ mỉ, tả cái đoạn chị dùng dao rạch mặt cô ta và xát muối ớt vào (những người quê mình vẫn thường làm chuyện đó rất bình thường, sẽ buồn cười khi có ai đó nói làm vậy là vi phạm điều X chương Y luật hình sự, họ cãi ngay, “Ủa, nó cướp chồng tui thì tui phải đánh cho tởn chớ”, với vẻ mặt tự hào ngút ngát, tỉnh bơ, ngây thơ, tựa như một người đi qua trận địa cũ và nói với ông bạn mình, hồi năm bảy hai tui bắn thằng lính cộng hòa ở chỗ này, óc nó nát như chao, con mắt vắng ra xa cả thước. Ông bạn chẳng ón, nói tôi cũng cắt cổ thằng Mỹ ở đây chớ đâu)

Sau đận đó, chồng chị bỏ ngay cô nhân tình này và trở trâu, anh ta chạy theo... cô khác. Ba mùa lúa rồi chị ra đồng một mình. Một mình nuôi con. Một mình nhìn gương, tự ve vuốt và yêu lấy mình...

Cái sàn lán sau nhà đã ba năm vắng bóng đàn ông. Một chiều chúng tôi đến, xẻ mấy cây đổ xong, cha ra đó tắm. Nước chảy re rất trên khuôn mặt lạnh lùng, nước mỏng tang tràn qua những thớ thịt đỏ au của cha tôi. Chị chọt giạt thớt người, cài vội chiếc nút áo bụng ra vì không chịu nổi đôi vú căng tức.

Ngay lập tức, tôi có cảm giác câu chuyện về những lá bùa vẽ nhì nhằng chị dấu trong áo gối, ém dưới chiếu, hay kẹt giường... không còn ý nghĩa gì hết. Chị cũng sửng sốt khi nhận ra điều đó. Giường đã làm xong, đáng lẽ chúng tôi phải dời đi, nhưng chị chủ nhà muốn đóng thêm hai cái tủ nữa. Chị thuê hàng xóm xuống ao mò lên những thân gỗ đã ngâm lâu và chờ tới xưởng cưa. Rõ ràng là chị không chuẩn bị trước, rõ ràng chị muốn giữ cả nhà chúng tôi lại. Chúng tôi được đối xử rất tử tế, ngoài hai bữa cơm, buổi trưa, chị hay đãi thêm nôi chè, hay khoai luộc. Chị nồng nhiệt bảo chúng tôi lên nhà ngủ, nhà rộng rinh như vậy không có gì phải ngủ ghe. Cha tôi trù trừ nhưng rút cuộc cũng gật đầu (với một thoáng giễu cợt), thật không ngờ chối từ một tấm lòng như thế.

Tôi và Điền ở lại ghe, tôi nói, ngủ ở đây gió mát quen rồi, với lại, tụi tui phải giữ đồ. Nói tới chỗ này tôi mắc cười muốn chết, chiếc ghe tôi tả, đáng giá gì đâu mà giữ. Có mấy ông thống kê gì đó làm chúng, mấy ông đã ngao ngán như thế nào khi thấy chỗ ở ngang mét hai dài ba mét một cho ba nhân khẩu, điều tra thêm thì phương tiện nghe nhìn giải trí chỉ cái radio trị giá mười bốn ngàn, nguồn nước sinh hoạt từ sông, thu nhập ờ thì vài ba triệu một năm, tùy vào ông trời, như năm nay, thì trắng tay...

Và ngó lại cái khạp da bò nứt, trong rổ úp vài cái chén sành, một thùng giấy chứa quần áo cũ... thấy mình lầy cớ giữ đồ hơi vô căn cứ. Nhưng chị chủ nhà không để ý, chị đang ưng bụng, ngáy ngất tràn trề trong mắt. Và cha tôi lên đó, một mình.

Tôi ôm quắp thằng Điền nghe những con sóng nhỏ lách tách vỗ vào mũi ghe, nói, Hai nhớ trường học quá à, cưng (Ồi cái trường xiêu dựng trên khu vườn chùa đầy cây thuốc, có ông thầy trẻ tuổi hay vò đầu tôi và xao xuyên hỏi, má khỏe hôn con?). Thằng Điền hỏi lại, "Mắc gì mà nhớ? Lãng òm...". Tôi không biết, tôi đã ngưng nhớ nó từ khi sống cuộc sống trên đồng, nhưng đêm nay, sao tôi lại nghĩ tới, cả chuyện kiếm tiền để chữa mắt cho Điền (tôi vẫn nghĩ, sự xuất hiện của nước mắt chỉ có ý nghĩa khi người ta khóc). Đêm nay, tôi sao thế này? Vì nhìn thấy niềm hy vọng ư?

Và tôi ngủ trong nỗi xoắn xang.

Lúc thức dậy thì hy vọng cũng thức theo, sáng hôm đó, tôi thấy cha trút bỏ vẻ lầm lũi thường ngày, mắt ông hay rục lên, nói cười rất lạ, dường như cha bừng tỉnh nhận ra giá trị của mình, tìm thấy con đường sẽ đi. Những suy nghĩ còn cào làm cho vẻ mặt cha lung linh như bầu trời nhiều mây và gió. Thoát quang đăng thoát âm u, thoát khoái trá, thoát đau đớn...

Chị chủ nhà cũng thất thường, đang tươi hơn hơn bỗng bần thần khi thấy cha đóng xong một cái tủ nữa rồi. Chiếc tủ chén này, cha mất năm ngày mới hoàn thành, nhưng không sớm hơn được, vì chị chủ nhà lúc thì bưng nước ra, lúc lại kêu nghỉ tay ăn bánh, anh thợ à. Nhiều lúc chơi ngoài hàng ba, nghe tiếng bào trượt trên ván ọt ẹt ngừng lại, buổi trưa im phắc. Và đóng dầm bào bị dầm tạo ra âm thanh lạo xạo lao xao ào ào. Chúng tôi biết chị đang ở ngay chỗ cha.

Không hiểu sao tôi lại nghĩ chị chủ nhà chính là hy vọng để chị em tôi trở về cuộc sống bình thường với một người - cha - bình - thường. Chúng tôi luôn tạo cơ hội, khoảng trống cho chị gần gũi với cha. Cực nhất là phải rử rê lôi kéo nhỏ con chị chơi với chúng tôi, thằng Điền khó chịu, "đồ con nít...". Tôi cười, "thôi, kệ nó..." mà lòng nghĩ, biết đâu mai một con nhỏ này với mình là một gia đình. Biết đâu đó là một mối tình dài.

Nên tôi thấy hơi lo khi cha sắp hoàn thành chiếc tủ áo cuối cùng. Buổi chiều, cha xin những mảnh cây ván vụn đập vá lại mui ghe. Nghĩa là chúng tôi sẽ tiếp tục đi. Chị chủ nhà ủ ê, suốt buổi chị giằm dưa vào chén cơm nguội ngắt. Cha nhìn chị, cười nhẹ, rồi hỏi khế khàng:

- Cô đi với cha con tôi ghen?

Như chờ đợi chỉ có thế, chị gật đầu, mặt tỏ mờ và rạng rỡ, gần như không suy nghĩ gì (Má tôi cũng đã từng chọn lựa nhanh như thế sao?). Tôi bất giác ứa nước mắt, rồi nhận thấy cha đang nhìn mình, tôi bệu bạo cười, "cẩn trúng cái lưới đau quá trời".

Chị chủ nhà bắt đầu sống với những giây phút bần chòn, chị loay hoay, te tái tới lui. Chị kiếm lủ khô giở xách, những muốn gói ghém thật nhiều đồ đạc nhưng nhận ra chiếc ghe chẳng chứa nổi, nên quăng phệp một bên. Cuối cùng, chị đưa nhỏ con về chơi bên ngoài, và trong

lòng chị em tôi bù ngùi tiễn nó đi như đưa tiễn một cuộc đời. Mai nó vẫn sống, nhưng mà sống khác. Rồi chị quay lại, ra bực sông, ngồi đăm đúi nhìn ngôi nhà của chúng tôi, “những ngày sắp tới của mình ra làm sao, ta?”.

Để hình dung lắm. Như chỗ cái sạp xỉn màu tôi đang giặt vải lau đây sẽ là nơi chị sẽ ngủ, sáng ra chị vẫn không phải rời chỗ ấy, vì chỉ cần ngồi dậy, day mặt ra phía sau là đụng bếp, là có thể nhen lên một lọn khói buồn teo. Mấy đêm đầu có lẽ không quen, vì phải nằm chèo queo, ghe thì chao sóng. Mấy đêm đầu chắc chị hơi ngại ngừng, mắc cỡ vì ở ghe không có vách ngăn, vì thế chị em tôi sẽ cố ngủ thật say, ngáy thật to để át những tiếng thờ hỏn hển, diu dặt. Chị cũng sẽ mất khá lâu để thích hợp với nhiều hình ảnh mang tính ước lệ, thí dụ như mấy bụi hành ngò trồng trên cái xô bể (thay vì khu vườn cây cỏ hoa trái mênh mông), hay cái lò cà ràng nhỏ (thay vì cả một gian bếp ấm sực mùi củi lửa)... Và nghe cha tôi than, tôi chán cái nhà này quá rồi, thì cũng nên hiểu là không có cái nhà nào cả. Nhà chúng tôi là cái này, là cánh đồng nào đó, con sông nào đó... Riêng chúng tôi thì không cần chị phải yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ gì hết. Chúng tôi không hy vọng điều đó (đến con chị còn không hy vọng gì mà). Ngay lúc này đây, cứ nghĩ, một bữa trưa mai trưa một nào đó, có nắng hiu hiu và gió hiu hiu, vì muốn chứng minh tấm lòng của mình với cha, muốn tỏ thái độ hoà hợp với hai đứa trẻ lạ lẫm này, chị bắt thằng Điền lại, xối nước kỳ cọ những mảng đất đã dính khấn trên làn da mốc meo của nó, miệng cấm cấn, cắn nhả hay biểu tôi ngồi để chị thắt bím tóc cho, chắc tôi thấy khó chịu vì xa lạ và buồn cười.

Nhưng tiếc rằng không có ngày mai, một đó. Chị bị cha tôi bỏ lại, khi vừa đi được một đoạn đường. Một đoạn đường đầy khó khăn. Chị buộc mình tin rằng sự chọn lựa này là đúng, tình yêu này xứng đáng được đánh đổi. Xóm làng, ngôi nhà, vườn tược trôi tuột lại phía sau. Và đứa con gái... Rất cố gắng, chị mới trôi thàng thoát. Cha ghé một chợ nhỏ đầu xóm kinh, biểu chị lên mua một ít củ cải muối đem theo. Người vừa khuất trong tiệm tạp hóa, cha cười. Chị em chúng tôi mãi mãi không quên cái cười đó, nó vừa dữ dội, đau đớn, hoang dã, cay đắng, nghiệt ngã. Cái cười thật dài, riết lấy khuôn mặt cha, làm mất cha hơi lòi ra, ánh lên như có nước. Cha quăng đồ đạc của chị lên bờ vung vãi. Và nỗ máy cho ghe đi. Có ai chờ chúng tôi, trên những cánh đồng khơi ?

6.

Trời đất ử dột nhìn mưa vào mùa. Thằng Điền kiếm được mấy cây ô môi nhỏ, nó rủ tôi trồng. Chúng tôi dầm mưa, lấy mũi dao đào thành mấy lỗ con con, rồi đắp đất ém góc lại. Cái cảm giác mà cha tôi đã từ bỏ là yêu thương, che chở cho một sinh linh (yếu ớt, nhỏ bé) nào đó thật ngọt ngào. Điền biểu tôi chặt sậy cắm quanh, sợ mấy con vịt ăn trụi lá, với lại, bờ đất này rất nhiều người qua lại, không khéo là bị dẫm bẹp. Hai đứa ngồi nhìn công trình của mình, bỗng buồn, không biết mai này còn có dịp quay lại coi tụi cây này lớn lên, để trèo lên hái trái, để giăng cái võng, ngủ một giấc đã đời.

Chị em chúng tôi nảy ra nỗi thèm muốn, khao khát được trồng cây từ khi rời Bà Sen, vì biết chẳng bao giờ quay lại sống - bình - thường. Dường như chúng tôi nhớ, nhớ còn cào. Nỗi nhớ bao gồm được chạy chơi trên cái vuông sân mọc đầy vú sữa đất, được tự mình trồng cây gì đó, có trái, và trái ăn được, ăn rất ngon. Nhưng cái mơ ước nhỏ nhoi là nhìn nó lớn lên cũng mong manh, khi mà đến chưa nóng chỗ đã phải dời đi nơi khác. May là lần này chúng tôi ở Cỏ Úa khá lâu, chăm chút bầy vịt (mới gầy lại) “trơn lông bụng”. Thằng Điền một bữa ra coi cây bển rế, nó bỗng chép miệng, “Ước gì đây là đất - của - mình...”.

Tôi cười, điều đó thật xa xôi. Có lần, đi qua xóm, trong một buổi chiều, chúng tôi gặp những ông già ngồi chơi với cháu, thằng Điền đứng tần ngần bên hàng rào dâm bụt, bảo, “Phải chi ông này là ông nội mình, thương đỡ chơi, hen Hai?”. Nghe câu đó tôi bỗng thấy mình nghèo rơi nghèo rớt, nghèo đến nỗi không có... ông nội để thương, thêm muốn bên đường. Tôi lắc đầu, bảo thôi, thí dụ như mình lỡ mến người ta, mai một đi, buồn dữ lắm. Mà, đã ngắm, đã xé lòng toang hoang với nỗi đau chia cắt rồi, chưa sợ sao ?

Sống đời mục đồng, chúng tôi buộc mình đừng yêu thương, quyến luyến bất cứ ai, để khỏi ngậm ngùi, để lòng đừng dưng khi cuốn lều, nhổ sào đi sang cánh đồng khác, dòng kinh khác. Chúng tôi vô định hơn bất cứ người nuôi vịt chạy đồng nào. Vì những cuộc tình của cha tôi, ngày càng ngán ngùi.

Cha tôi đã có - về - bình - thường, hay nói cười, hồ hởi trong những lúc có người (chữ “người” này không tính hai chị em tôi). Nhiều lúc tôi không giấu được thẳng thốt, cứ nghĩ mình đã gặp lại cha - của - ngày - xưa. Nhiều lúc tôi ngồi trông người trong xóm đi thăm lúa ghé qua chòi, lúc ấy, cha sẽ kêu, “Nương à, nương mấy con cá khô, cha lai rai với mấy bác...”. Em tôi cũng sượng ran xách chai ra tiệm mua rượu, nó khoái chí nghe cha gọi, “Điền ơi! Điền...”. Vui được chút đó thôi, khi khuất bóng người, chị em tôi đứng đót nhìn cha hao hao người đóng tuồng vừa trút lớp. Xanh xao, lạnh lẽo đến ngợ ngác và cô đơn.

Không, lúc chỉ một mình, cha tôi đáng sợ hơn thế. Cha giống như con thú trở về tổ sau khi no mồi. Con thú nằm mơ màng nhắm nháp lại hương vị của miếng mồi, và ngấm ngợi thòm thèm con mồi kế tiếp. Có lúc sự vật lộn làm vết thương cũ của con thú đau, nó liếm láp vết máu, và tôi hãi hùng nhận ra chỗ đau ấy cứ rộng thêm ra. Đôi khi tôi nhớ người đàn bà ở Bàu Sen, nhớ bóng người xấp xỉ, ngợ ngác chạy theo chiếc ghe sáng ấy. Chắc chị đã quay lại, đón đưa con gái về, móc quần áo trở vô tử. Có hề gì, rồi chị sẽ yêu một người khác, nhưng mãi mãi, chị không quên nỗi ê chề bị bỏ lại bên đường (bằng chứng là ba cha con chúng tôi có quên được đâu). Với những đàn bà sau này, cha tôi tính toán rất vừa vặn, sao cho vừa đủ yêu, vừa đủ đau, vừa đủ bẽ bàng, và bỏ rơi họ đúng lúc. Có người vừa bán xong cái quán nhỏ của mình. Có người vừa nói xong những lời dứt tình với chồng, con. Có người vừa phũ phàng chia xong gia sản, có cô gái sắp về nhà chồng, củi to củi nhỏ chất thành giàn ngoài chái... Hết thủy đều cun cút tin và yêu. Cha mang họ đi một quãng đường vừa đủ để người ở lại nhìn rõ chân dung của sự phản bội, sau đó người đàn bà bị hất lên bờ.

Con đường quay về bị bịt kín.

Cha không tốn nhiều công sức cho việc chinh phục (Những người đàn ông quê mùa đã tự tay đẩy người đàn bà của mình đến với cha, bằng nhiều cách. Họ thích uống say, họ thích dùng tay chân để tỏ rõ uy quyền. Một nhọc làm lụng trên đồng, người đàn ông đã trở nên khô cằn, có khi cả đời, họ không nói với phụ nữ một câu yêu thương tử tế. Họ không biết vuốt ve, âu yếm, khi cần, họ lật cạch người phụ nữ ra và thỏa mãn, rồi quay lưng ngủ khò). Sẽ còn bao nhiêu người nữa được cha tôi cho nếm thử niềm đau kia, tôi tự hỏi mình khi nhìn người đàn ông vào tuổi bốn mươi, quyến rũ từ cái cười, từ câu nói, ánh nhìn thăm thẳm, ngọt ngào. Trời ơi, trừ chị em tôi, không ai thấy được đằng sau khuôn mặt chữ điền ngợi ngợi đó là một hố sâu đen thẳm, bển bờ mờ mịt, chơi vơi, dễ hụt chân.

Nên mỗi lần cha nhìn đăm đăm và mỉm cười với một người đàn bà mới chúng tôi lại thất thèo. Thêm mỗi tình đau trước cả ngày thứ nhất (mà chị em tôi không cách nào ngăn được). Tôi có cảm giác cha quắp lấy người ấy, vùi mặt vào da vào thịt, ngấu ngiến mà lòng cha lạnh ngắt. Thằng Điền cay đắng, “Cha làm chuyện đó thì cũng giống như mấy con vịt đập mái...”. Tôi nạt, “Đừng nói bậy...”.

Nhưng tận đáy lòng, tôi cũng nghĩ, cha hơi khác con - người. Nhạt nhèo hơn cả việc quan hệ theo mùa, theo bản năng, trong cha tôi không còn một chút cảm xúc nào, nét mặt tràn ngập những rắp tâm, chưa gặp mặt đã tính chuyện phụ phàng.

Cha đẩy chúng tôi trượt dài vào nỗi thiếu thốn triền miên. Mỗi lần rời khỏi một nơi nào đó, thật khó để phân biệt, chúng tôi bỏ đi hay chạy trốn. Chúng tôi đánh mất cái quyền được đưa tiễn, được xao xuyến nhìn những cái vẫy tay, được nhận vài món quà quê như buồng chuối và hương hay bó rau ngót cắt trong vườn, cùng lời dặn dò quyến luyến, “Đi mạnh giỏi nghen...”. Chị em tôi hết sức cố gắng để sự giận dữ, chán chường của mình không bùng cháy. Chúng tôi cho vịt ăn thật xa trên đồng, vạ vật ở đó từ sáng tới chiều. Gió hoang liêu trên đồng không làm lòng hai đứa nguội lại. May ra, gió chỉ thổi khô nước mắt lúc nào cũng ri rỉ trên mặt em tôi.

Tôi không còn muốn chữa mắt cho Điền. Bởi Điền khóc suốt (giống hệt tôi), dù về mặt nó rất bình thản (tôi cũng vậy, khác là nước mắt tôi khô rốc trong lòng). Hai đứa tôi đều kỳ dị, đến mức nhiều khi tự giạt mình.

Có lần, hai chúng tôi ngồi trên một bờ đất, xung quanh đầy những người thợ gặt đang ăn cơm. Nắng giữa trưa nóng rát. Tôi nói, chỗ khác có nắng dữ dần vậy không ha. Thằng Điền nói, mùi cá kho quẹt thơm dễ sợ. Ừ, tôi gật đầu, nhưng cái mùi nghèo quá. Vậy mùi gì giàu, thằng Điền hỏi vặn lại. Tôi cười, thịt kho tàu. Rõ ràng hai đứa tôi có cãi qua cãi lại, vậy mà sau đó một người thợ gặt tỏ vẻ ngạc nhiên, “Hai đứa bây ngồi chụ ụ cả buổi trời, không nói câu nào, vậy mà cũng chịu nổi sao?”

Thằng Điền cười, “Ừa, tụi mình hông nói tiếng – người!?”. Tôi nhận ra nó không hề máy môi, tôi đọc được những ý nghĩ trong Điền. Ở đó, đang có bão toại bởi, gió quất điên cuồng vào trái tim nhỏ chi chít vết đau. Thằng Điền nổi loạn.

Dấu hiệu bắt đầu từ một bữa trong xóm dê, tình cờ ngó đôi chó nhảy nhau, thấy các chị đang phơi lúa kêu ó ré lên, tôi rủ Điền giả đồ nhắm mắt (trò này cực kỳ trẻ con, vì ai cũng mừng tượng mồn một tư thế động tình của hai con chó). Thằng Điền phì cười, nó kêu lớn, “Hai, coi nè...” rồi cầm đoạn cây xông đến quất đôi chó tới tấp. Hai con chó kêu la thống thiết, hoảng loạn, xà quần trong đám bụi đất. Đau đớn cùng cực, chúng rúc vào chân đồng rơm, nhưng không chịu rời nhau. Con đực phục đầu sát đất, rên rỉ, nước dãi chảy ròng. Không chạy hả. Bóp. Không chạy nè. Bóp. Thằng Điền gào lên. Cây trúc giập nát. Tôi giữ tay Điền lại bảo, “Ác với tụi nó chi vậy, cưng”, thấy nước mắt bê bết trên mặt em tôi.

Ngay từ lúc ấy, tôi đã muốn chạy về và nói với cha “Thằng Điền bị sao rồi, cha ơi...”. Tôi sợ, hoảng loạn khi phải chứng kiến một mình.

Thằng Điền biết là tôi đã nhìn - thấy - cái - gì - đó, nó chua chát cúi đầu. Điền chới bỏ niềm vui được trở thành một người đàn ông thực thụ. Nó tự kìm hãm bản năng trời dậy mạnh mẽ ở tuổi dậy thì bằng sự tất cả sự miệt thị, giận dữ, căm thù. Nó phản kháng bằng cách trút sạch những gì cha tôi có, cha tôi làm. Giấy dựa đến rã rời, nhiều bữa, nó dầm mình dưới ao đến khi người tái nhợt. Nó chạy như điên trong đêm, trên những bờ ruộng mướt cỏ đến khi mỏi nhừ, gục xuống. Rồi nằm xoãi trên đồng, tả tơi.

Không phải vậy, không phải vậy Điền ơi, tôi muốn kêu lên, tiếc là sự thất học khiến tôi không diễn đạt được bằng lời. Tôi không chắc chắn, nhưng dục tình và xác thịt không xấu xa, không đáng bị khinh bỉ, không phải là nguyên nhân đẩy chị em tôi đến cuộc sống này với những đổ vỡ này...

Điền mười sáu tuổi, nó có thể mãn nguyện nằm bên tôi, dái tai để mặc tôi mân mê. Điền đã lạnh ngắt. Nó đứng đưng nhìn những đứa con gái làm cỏ lúa, quần xoắn cao, đùi non mơn. Đôi lúc bắt gặp những đôi người quấn nhau giữa các chòi ruộng hay lùm cây, nó khinh khỉnh cười khào. Nó điềm nhiên nói cái giọng hơi run rẩy nhưng rất mỏng và dịu dàng, “Hai, thôi đi. Em đâu có sao, buồn làm chi...”.

Tôi cười, nói ờ. Nhưng muốn nghĩ buồn cũng không đơn giản. Phải rất lâu, tôi mới nhìn Điền một cách bình thường, tôi cố quên chuyện của nó, tưởng tượng bây giờ nó mới chín mười tuổi gì đó (cái hồi hai đứa như cây kiểng còi, thẳng đuột như nhau, thằng Điền hay bắt chước đá ngồi).

Và tôi chợt nghĩ, sự bất thường của Điền, chẳng qua nằm trong chuỗi rất dài của sự trừng phạt. Điều đó lý giải cho việc thiên nhiên ngày càng trở nên hung dữ hơn, khắc nghiệt hơn. Bằng những sấm chớp, gầm gừ, dường như trời đất đã nín nhịn nhiều, cuồng nộ bắt đầu rồi đây. Có lần, tôi lấy cao su gói lại mớ mùng chiếu, nhìn mưa thè cái lưới ướt nhão nhớt vào lều, khoái trá ném từng tấc đất, tôi tự hỏi, không biết chỗ khác (chỗ không có chúng tôi) có mưa nhiều như vậy không. Ý nghĩ đó xuất hiện triền miên trong đầu tôi, rằng trời chỉ trút mưa, trút nắng ở nơi chúng tôi dừng chân lại. Nổi bễ bàng của những người đàn bà bị cha tôi bỏ rơi (và cộng thêm niềm đau vỡ của những người quây quanh họ) đã thấu qua những tầng mây. Và dường như cách giao tiếp ngấm ngấm của tôi và Điền cũng trong chuỗi bất thường, nó làm cho mối quan hệ với cha thêm rời rạc. Những bữa ăn nói tiếp nhau trong im lặng. Lúc và cơm,

tôi hay bị ảo giác, tưởng mình đang ngồi trên cánh đồng của chín năm trước. Một cánh đồng miên viễn với gió lất lay những khói nắng héo xèo, một nhúm mây rất mỏng và rời rạc bay tha thểu trên cao. Đường chân trời mờ mờ xa ngái. Một vài gò mả loang lổ dưới chòm trâm bầu. Tiếng chim kêu nhỏ từng giọt thiu thiu. Mùi rạ mới quyện với bùn tanh tanh. Bầy vịt rúc đầu vào nách, ngủ ơ hờ dưới bóng cây tra treo từng chùm bông vàng tuyệt vọng lay như những chiếc chuông cầm. Cảnh không đổi, người cũng không, cứ ngồi ngoáy mãi vết thương cũ, nhỏ nước mắt.

Giống như mấy cái mả ngồi, thằng Điền nhận xét. Vừa may, một bữa trưa nắng rập rờn trên nách rạ, chúng tôi cảm nhận được những tiếng nói lao xao. Thằng Điền thẳng thốt, "Tụi mình ba trọn thiệt sao, Hai?" khi nhận ra đó là tiếng của... vịt. Tôi cười, hờn hờ. Thế giới của vịt mở ra. Không ghen tuông, hờn giận, chắc tại cái đầu vịt nhỏ quá nên chỉ đủ cho yêu thương. Tôi thôi thắc mắc vì sao cả bầy trăm con chỉ cần mười, mười lăm con vịt trống.

Đắm đuối với loại ngôn ngữ mới, chúng tôi chấp nhận để cho người ta nhìn mình như những kẻ điên (miễn là tạm quên nỗi buồn của cõi - người). Chị em tôi học cách yêu thương đàn vịt (hy vọng sẽ không bị đau như yêu thương một - con - người nào đó). Nhưng nhiều khi nhìn thằng Điền đồng tai coi mấy con vịt nói cái gì, tôi giật mình, nuốt một họng đắng, tự hỏi đã đến nỗi này sao, đến nỗi chơi với người thấy buồn, nên chuyển qua chơi cùng vịt. Đêm nào cũng vậy, cũng rón rén, từ tốn, hai chị em thắp một ngọn đèn giữa chuồng, để lúc bọn tôi ra, chúng nhìn, biết không phải người lạ, không xao động. Vừa nhỏ nhẹ lấy trứng, tôi vừa hát một bài hát bằng quơ, đôi chỗ vì hạ giọng thấp mà hụt hơi. Bầy vịt nhạy cảm khủng khiếp, sau này, tôi cố sửa lại những chỗ hụt hơi ấy, chúng nhận ra ngay, và nhìn tôi với vẻ ngờ vực, "Ủa, phải con - người hôm trước không ta?". Một con vịt đui khịt mũi, cười, "Nó chớ ai, giọng có khác, nhưng rõ ràng là tiếng trái tim nó. Quen lắm. Chập chờn, thút thít, đòng đưa như sắp rụng... "" " Có nỗ hờn đó, cha nội?" "Sao không, mấy người thử đui đi rồi biết". Bất giác, tôi nhắm mắt để nghe lại tiếng tim mình.

Nhưng sự trừng phạt tính toán cũng vừa vặn, vừa đủ vui, vừa đủ thương, quán quýt, nó lại đứng sau lưng và cười nhạo chúng tôi.

Gió chướng trở ngọn, trên những cánh đồng ủ ê tin buồn. Chúng tôi nghe được một cụm từ lạ, dịch cúm gia cầm. Những người nuôi vịt chạy đồng cười khào, "Chậ, mấy con vịt chết gió, mấy ông nhà nước nói cho quá...". Hôm chính quyền thông báo tiêu huỷ tất cả các bầy đàn, họ xững vửng kêu lên, "Trời trời, bộ hết chuyện giỡn sao, mấy cha?"

Chẳng ai giỡn cả. Người ta dùng ý tưởng của Tào Tháo thời Tam Quốc, "thà giết làm còn hơn tha làm", dồn tất cả vịt trên cánh đồng lại và đào hố chôn. Thằng Điền méu máo :

- Mấy ông ơi, vịt tui sần sần, có bệnh tật gì đâu...

Một người cầu cạu :

- Sao cạu biết ?

- Rõ ràng tụi vịt nói với tui.

Mọi người cười ha ha, bữa nay vui quá chừng. Họ bắt đầu trùm kín mình bằng những bộ đồ đi mưa. Họ rải vôi trên những hố chôn lớn bằng mấy khẩu đĩa cộng lại. Họ tọng những con vịt còn sống, còn giãy dụa, còn gào thét vào bao tải, buộc miệng và quăng xuống đó.

Đám nuôi vịt chạy đồng tụm lại ở một chỗ, cúi mặt vào lưng nhau. Họ xót của, tiếc tiền, họ cảm nhận được sự kiệt quệ, đói nghèo đang vây bủa. Làn rũi ro này (của cái nghề lấm rũi ro) thật khốc liệt.

Cha tôi ngồi riêng biệt ở một bờ đất và đốt thuốc ngó trời, điệu bộ hơi dửng dưng. Với nỗi đau sâu hoắm sấn trong lòng, thì những biến cố khác chẳng qua như một vết xước nhỏ ngoài da, nhằm nhò gì.

Hình ảnh đó, nét mặt đó làm cho tôi tuyệt vọng. Mà, lúc đó, tôi đang chết điếng, sao tôi lại nhìn về phía cha ? Vì tôi muốn cầu cứu (như những đứa trẻ con gặp chuyện giật mình, hay buột miệng gọi má ơi hoặc cha ơi!)? Vì tôi thấy mình không thể chịu đựng được tiếng gào khóc thê thiết của những con vịt bị vùi sâu dưới lòng đất ?

Mắt nửa ngày những cái hố mới được lấp đất đầy. Xuyên qua những lớp đất bầy nhầy, tôi nghe vệt - của - tôi vẫn còn thoi thóp, chúng đau đớn vì những cái cổ gãy, rồi quật quẹo, chúng hỏi nhau vì sao tụi - người - ta lại ác. Rồi thỉnh lặng. Trong cái im ắng đến rợn người, tôi nhận ra tiếng của con vệt mù, có lẽ vì không sợ tối, nên sự sống kéo dài.

Rồi ánh sáng nhập nhoạng cuối ngày loang lổ đổ xuống, tôi và Điền khóc hức, cảm nhận được cái thờ hướn ngẩn dần, ngẩn dần của con vệt sau cùng. Và nín bật. Và tan hết. Chỉ còn gió cười từng tràng dài... Tôi tiếc thời là tiếc sinh linh nhỏ bé đã thấu được tim mình.

Sáng sau, người ta tìm được một người chẵn vệt nằm sát mép hố, mắt chong chong ngó trời không chớp, miệng sủi ra thứ bọt, trong vắt như bọt cua nhưng hôi nồng nặc. Chai thuốc trừ sâu lẫn lóc cạnh đó đã cạn tới giọt cuối cùng. Sống thì khó chứ chết sao mà dễ.

Tôi đứng nhìn, tiếc rẻ, ủa, cái người nằm sóng xoài kia, sao không phải là chúng tôi ? Sự báo ứng dường như đang ở rất gần.

7.

Tôi bắt đầu hối hận vì đã cứu chị và mang chị đi cùng. Có cảm giác chúng tôi nắm tay kéo chị lên khỏi một vũng lầy để đẩy chị vào một vũng khác, cũng sâu.

Chị xuất hiện không đúng lúc. Cha tôi có dấu hiệu mệt mỏi. Đàn bà, với cha, càng trải nghiệm càng chán chường. Càng gieo rắc càng đau. Vết thương cũ mở miệng toang hoác, không da thịt nào có thể lấp đầy. Cha không chấp nhận cả những người phụ nữ mà ông kỳ công chiếm đoạt (của người khác), thì sao ông có thể tin tưởng ở sự hiến dâng ?

Vậy đó, cuối cùng chị hiểu được tại sao cha tôi lại phớt lờ mình. Tôi và Điền buộc phải kể câu chuyện - của - chúng - tôi để chị không phải ray rứt gì với thân phận làm dĩ. Những ký ức chấp vá, đứt đoạn được chúng tôi kể khá chậm, một phần vì đã lâu không dùng cách giao tiếp bằng lời, một phần do vài chi tiết khiến chúng tôi phải dừng câu chuyện lại, vì thấy nhói ở đâu đó hay đợi chị thôi khóc. Thí dụ như cái đoạn kể về kỳ kinh nguyệt đầu tiên của tôi. Máu chảy giữa hai đùi không tạnh được, tôi thục xuống, bùm chỗ ấy lại. Máu từ từ chảy qua kẽ tay, tôi thấy mình rỗng rỗng, tái nhợt, chết dần. Thằng Điền với bút đọt chuối, tọng vào miệng nhai ngốn ngấu, diên đại, để lấy bả rịt lại chỗ máu. Thuốc gò nghe nói cầm máu rất tốt, cũng chẳng ăn thua. Hai đứa nhìn nhau khóc, tôi đã mơ thấy ngôi mộ của mình, như chiếc giường giữa bốn bề đồng nước... Chị méo máu vít đầu tôi vào lòng, "Trời ơi, tội hôn. Lúc đó cha mấy cứng ở đâu ?". Tôi ngờ ngác, không biết, nhưng dù cha có ở gần ngay đấy thì chúng tôi cũng chẳng thể cầu cứu.

Đã nói là chị em chúng tôi phải tự học đủ thứ rồi mà. Những gì không biết, chúng tôi thử. Những gì không hiểu, chúng tôi chất thành khối trong lòng. Nhiều khi thấu đáo được một điều nào đó, chúng tôi phải trả giá cao.

Có lần chúng tôi thả vệt nghĩ khúc kinh có bóng cây. Bỗng nổi xấu hổ vì mình là con người xộc lên mũi sặc sụa, khi tôi phát hiện ra chúng chẳng bao giờ cưỡng đoạt và gạt gắm nhau. Khoảng thời gian trước khi con trống trèo lên con mái rất thật, mềm mại, êm dềm... Tuyệt không có gì là thô tục. Tôi sưng sốt. Thằng Điền sưng sốt. Trời ơi, khác với những gì chúng tôi biết (qua cha tôi, má tôi), trong sự hoan lạc (của những con vệt) đầy ấp thứ gọi là tình - yêu. Điền chới với, nghi hoặc lan ra như một vòng sóng. Và khi chị xuất hiện, thì trong nó chỉ còn nỗi ân hận giày vò.

Điền yêu chị, nhưng tình yêu đó khiếm khuyết mất rồi. Sau giấc ngủ dài, bản năng nó đã không trở dậy. Trái tim nó chỉ là hòn than nhỏ, không thể hâm nóng lại cơ thể ngã màu tro. Sợi dây xúc cảm như lối đi lâu lắm không người lui tới, cỏ dại mọc bít mắt, đường đứt, cầu gãy... Mà, kiểu yêu tinh thần để nhìn nhau, để nắm tay, vuốt tóc, để nín nhịn và hy sinh chỉ tồn tại trong văn chương. Chị cần nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều khủng khiếp, tưởng như chị có thể ngốn ngấu, bào mòn tất cả đàn ông trên thế gian này. Lúc đầu là kiếm sống, nhưng lâu dần, sự chung đụng của thể xác làm chị nghiện. Thằng Điền tuyệt vọng.

Tôi cảm giác sự đổ vỡ khi Điền đuổi theo chị, và chị thì chạy theo cha.

Một cuộc đua rã rượi, chẳng đến đâu. Chúng tôi còn phải dành sức cho cuộc mưu sinh dưới nắng như tát lửa. Cha quyết định bán bầy vịt đi. Ba người, mỗi lần xách vài ba con, chúng tôi chia nhau đi dài xóm để bán lẻ. Nhưng cách ấy chẳng cho kết quả nhiều, năm con vịt ốm nhằng trong tay, xương ức gò ra bén ngót cũng đã đoán được. Thêm nữa, mùa giáp hạt kéo dài, nhiều nhà chạy gạo còn gay, thịt vịt trở nên xa xỉ. Ti vi thì vẫn đang ra rả về dịch cúm, những người biết chút đỉnh, rụt đầu, “Ăn vịt đặng lây bệnh chết à?”.

Chúng tôi mang lũ vịt trở về, con đường dẫn lên đồng rập rờn hoa mua tím. Cũng theo lối này, vài hôm sau, ông trưởng ấp dẫn theo một cán bộ xã xông xộc đến chỗ chúng tôi.

Tôi vừa sợ, vừa biết ơn những người như thế này. Họ làm cho chúng tôi cảm thấy bớt hoang dã, làm chúng tôi hiểu rằng, ngay cả trên những cánh đồng hoang liêu nhất thì chúng tôi vẫn bị ràng buộc bằng hàng vạn luật lệ. Nhưng đồng thời họ luôn mang tai họa đến. Dường như sự trừng phạt đang núp sau hai khuôn mặt bị nướng dưới mặt trời, bóng nhẫy, thơm mỡ. Họ phớt phỏn nói bằng thứ ngôn ngữ buồn cười (bọn chặn vịt chúng tôi chẳng khi nào dùng những chữ chỉ thị, loại trừ tận gốc hay giải quyết dứt điểm...). Thật đơn giản, khi nói “các người phải huỷ bầy vịt”. Cha tôi cúi kính gật đầu. Tôi và Điền kêu lên một tiếng buốt, ôi, những bạn - bè của chúng tôi sắp bị chôn sống nữa rồi.

Cái nhìn chị chảy theo nước mắt của thằng Điền, chị khẽ bảo, không sao đâu, mấy cưng. Chị đơn đã, chèo kéo hai người đàn ông lạ về phía mình, “Mấy anh thương em với, nở nào để cả nhà em chết đói”. Một người cầu cạu :

- Ở trên lịnh xuống tui tui cãi sao được.

Nụ cười đơng đưa, tung tẩy trên khoé mắt, thì em có bảo mấy anh cãi ai đâu, mấy anh giả đò không biết, không nhìn thấy bầy vịt của em là được rồi. Để ợt... Thằng Điền bệu bạo cắn răng, nó tự kìm nén bằng cách siết vai tôi đau như. Cách đó năm bảy bước, giọng nói của chị vẫn lướt như một dòng gió đầy hơi nước, thấm dùi lại hai khuôn mặt (cổ tỏ ra) cứng đơ. Một người nuốt nước miếng, ánh nhìn ham muốn như mũi kim thò ra khỏi bọc, lơ lảo. Mắt ông ta lệt trần chị, và toan tính một thoáng. Người còn lại có vẻ thú vị, háo hức như sắp được xem một vở cải lương hay. Chị thấu hiểu đàn ông đến nỗi, ngay lập tức chị ngó về phía chúng tôi, ngầm báo, cuộc thương lượng (về một sự đổi chác) đã kết thúc rồi.

- Hai anh cứ về trước, chút nữa, em lựa mấy con vịt tơ đem lại cho các anh lai rai. Nhà anh Năm đây em biết chớ sao không, đi tới đâu, em cũng coi mặt thổ địa trước chớ...

Nụ cười chị chọt mỗi mê mỗi như. Có một chút tàn nhẫn, một chút man rợ trong cuộc thương lượng này. Hai người đàn ông quay vào xóm, không quên vói lại một câu, nửa đe nẹt, nửa xuề xòa, “tụi tui nể vợ anh...”. Cha tôi cười hết sức độ lượng, ôi những thằng trẻ con...

Chị vò đầu thằng Điền, bảo “chuyện nhỏ thôi mà, đi bắt vịt dùm chị, nhỏ cưng”. Và hướng cái nhìn sâu nhói về phía cha tôi, rất chậm rãi, chị thay áo, lấy nón, xỏ dép... Thời gian dằng dặc. Tôi biết chị chờ, hy vọng. Tôi biết, đi một quãng xa, chị vẫn còn dõng tai đợi một tiếng gọi, “quay lại đi, Sương”. Nhưng chỉ gió ngêu ngao xoi mói vào mảng thịt sau tà áo người phụ nữ đang xiên xiên trên bờ cỏ rập rờn.

Chị về khi trăng rạng rỡ trên đầu (mãi sau này, tôi vẫn còn ghê sợ cái màu trăng ấy). Ông quần quệt vào cỏ ướt đẫm sương. Hơi rượi quyện với mùi thuốc lá làm tôi chao chực. Nhác thấy hai chị em tôi ngồi thù lù, chị kêu lên, trời đất, hai cưng chờ chị chi vậy. "Chị... làm đĩ quen rồi, mấy chuyện này nhằm bà gì mà mấy cưng buồn?". Rồi khom người nhìn vào chòi, chị chặc lưỡi tấm tắc, "Coi nè... Trời ơi, bữa nay bộ gió mát sao mà người ta ngủ ngon dễ sợ". Chao, tiếng ngáy của cha tôi sao mà đều, sao mà thơ thới. Tôi chực khóc, ngay lúc này đây, dường như chị - đang - chết. Chị lẹ làng lấy tay quệt lên mắt, mảng nước nhoè nhoẹt bên màng tang, bết cả vào mớ tóc mai.

Sáng sau, gập ở quây vịt, cha tôi cười, hơi giễu cợt, "Sao, hỏi tôi vui không? Chắc họ tưởng cô là vợ tôi nên hứng thú lắm hả? Cứ để họ nghĩ vậy...". Chị ngó trân vào cha, rồi day qua tôi, chị để rớt từng lời :

- Má cưng ác một, nhưng người cha này của cưng ác tới mười.

Nói rồi, chị quay đi. Chân vướng dấp dúi vào cỏ. Con đường nhỏ dầm chan trong màu hoa mua tím. Tôi đứng đót thằm trong lòng một cái vẩy tay. Bóng người khuất trong vườn. Thằng Điền xách nước về, nó cuồng lên hỏi chị đâu. Tôi chỉ con đường kinh xao xác hoa cỏ dại. Em tôi chạy hồng học về phía đó.

Điền, cũng không trở lại.

Tôi đã chờ nó đến khi mùa mưa đổ xuống cánh đồng Chia Cắt (tôi tạm gọi vậy) một trời sao. Chờ chơi vậy, chứ tôi biết Điền chẳng quay về. Tôi nhớ nó (và nhớ chị) không thôi. Những lần dọn cơm tôi hay lấy chén đũa cho cả bốn người. Cha tôi rất khó chịu, ông ngán ngấm đứng dậy. Tôi ngồi một mình, chan nước vào chén cơm như chan nổi trống trải khủng khiếp. Đi qua những xóm kinh chộn rộn ánh đèn, tôi thường ngóng lên bờ mong có thể gặp được thằng Điền và chị. Không biết em tôi có đuổi kịp chị, hay vẫn tiếp tục kiếm tìm. Không biết nó đã đánh thức được bản năng, đã tìm thấy nhục cảm, đã biết thềm muốn chưa. Không biết tối nay thằng Điền có được mệt nhoài úp lên chị, hay vạ vật ở đâu đó, bên vách buồng (hay một tấm ghi-đô bằng vải), đau vật đau vĩa nghe hoan lạc chảy thành những dòng rên xiết, kêu thét. Không biết nước mắt của nó đã khô chưa hay vẫn rỉ từng giọt như máu tươi.

Tôi nhớ Điền, bao gồm nhớ một đồng - loại (và tôi là đồng - loại còn lại), nhớ một cách trò chuyện (đọc thấu lòng nhau), nhớ một người nghe được tiếng tim mình (điều này thì con vịt mù làm được, nhưng nó đã chết rồi), và nhớ một người che chở (công việc này, đáng lẽ là của cha, má tôi). Tôi biết ơn Điền, từ một gói băng trắng mà Điền mang về hôm tôi mười bốn tuổi, bảo thứ này dùng khi có kinh nguyệt, nó sẽ ngăn không vẩy máu ra quần. Điền đi hỏi ai đó, nó nói, máu không cầm được cho đến khi nào tự nó ngưng chảy. Điền xót xa khi thấy tôi trở mã con gái, "Đẹp làm chi dữ vậy, Hai ? Ở cái xóm quê này, có đẹp mai mốt cũng phải lấy chồng, để một bầy con nheo nhóc, cũng ra ruộng ra vườn làm lụng đến hết đời, xẹp lép như xác ve. Đẹp, mắc công giữ...". Điền dặn tôi đừng xoắn quần quá cao, đừng mặc áo quá rộng cổ... Với bọn đám thanh niên lúc cũng kiếm có lạng vàng, Điền giang tay bọc lấy tôi, nó giễu cợt, "Anh kia, lượm con mắt lên, anh nhìn vậy, chị tôi mồn còn gì". Đám người cụt ngòi, tên tồ dạt ra. Ngay cả khi Điền bỏ đi cùng chị, nó cũng để lại cho tôi một món quà lớn.

Cha bắt đầu có một chút quan tâm với tôi. Dường như chỗ trống của thằng Điền nhắc cha nên quý những gì còn lại. Bắt đầu từ một đêm, cha đứng đằng xa, bảo, "Nương, ngủ sớm đi!", tôi nghe mắt mình cay, ngộp như ai đó tọng một đám khói vào mặt. Mắc cười, câu nói chẳng ý nghĩa gì lớn lao, những người cha người mẹ nói với con họ hàng ngàn lần, đến phát bực mà tôi lại xốn xang.

Tôi ước gì có thể chếnh choáng thật lâu, nhưng nó mau chóng tắt rụi vì một ý nghĩ kỳ lạ.

Dường như không còn kịp nữa, để hàn gắn sự đổ nát, để sắp xếp những mảnh vỡ lạo xạo trong lòng.

Chúng tôi tập nhìn nhau, điều đó khó khăn biết bao. Nhất là với cha, tôi cảm nhận được sự cố gắng lớn. Mỗi lần ngó về phía tôi, ông phải trợn trạo nuốt nghẹn những cảm xúc, vì tôi giống má khủng khiếp.

Không cần gương, tôi thấy hình bóng má trong mắt người đối diện. Trước ánh nhìn của cha, tôi cảm giác mình soi xuống dòng nước đêm. Với những người đàn ông khác, tôi bị rục lên như đứng trước mặt trời. Bằng mắt, họ sờ soạng khắp người tôi. Ánh mắt giống bàn tay của ông xắm mù mà tôi từng gặp, đụng chỗ nào cũng dừng lại, vuốt vuốt bóp bóp (chắc là cho dễ hình dung), rồi lần dò tới một chỗ khác, rờ nắn mê miết. Và tôi đón nhận một cách hần học, cục cằn.

Hôm bán bầy vịt, cha tôi sắm một chiếc nhẫn vàng, ông đẩy nó về phía tôi, gương ngộp như sắp chết giấc, "Để dành khi đi lấy chồng...". Tôi sặc ra một bụm cười, trời ơi, tôi biết lấy ai bây giờ ?

Suốt những tháng năm sống tù đọng trên đồng, tôi có biết ai ngoài những người đàn ông quê mùa cũ kỹ. Tôi biết lấy ai trong số đó ? Lấy một người cắm mặt xuống đất, mệt như với vườn ruộng để mỗi khi giáp hạt, tôi nghe tiếng cạo cháy của con, tiếng muồng dừa vét gạo dưới đáy thạp mà rớt bồng trong lòng ? Hay tôi sẽ chọn một người chặn vịt, mê mồi với chuyến đi xa,

sống cuộc sống hờ hững tạm bợ, thấp thỏm với rủi ro, và đến một lúc nào, tôi ôm con nghe đêm của mùa gặt thật dài với tiếng rúc rích của chông cùng cô điếm già nua. Tôi lấy ai bây giờ, một người thợ gặt ? Một anh chạy đò ? Ý nghĩ mình là bản sao của má làm tôi sợ. Tôi không chắc mình có đủ kiên nhẫn sống cuộc sống nghèo túng, nhàm chán ấy suốt đời, hay nửa chừng bỏ dỡ. Và bị kịch chất đồng lên những người ở lại.

Cha tôi hơi hoảng. Vậy đó, chỉ cần để ý một chút, là có thể nhận ra, xót xa vì sự quái dị, khác thường của tôi. Cha tôi vừa kịp nhìn thấy điều ấy, bối rối đến mức không biết diễn tả sự đau lòng như thế nào, bằng mặt, hay chỉ âm thầm trong lòng. Mà có đau, dường như cũng trễ... Cái ý nghĩ đã muộn màng, trễ tràng, không còn kịp nữa như một cái rốn nước sôi hoáy, điên cuồng hút tôi vào, cảm thấy mọi nỗ lực của cha trở nên vô nghĩa, tôi nghĩ vậy. Tôi nghĩ đến sự trừng phạt, sự báo ứng bất chấp trời im ắng như đã nguôi quên chuyện cũ rồi. Bây giờ, đang vào mùa đẹp nhất trong năm.

8.

Bây giờ, gió chướng non xập xoè trên khắp cánh đồng Bất Tận (tên này tôi tự dựng nghĩ ra). Ven các bờ ruộng, bông cỏ mọc như những đường viền nhỏ liu riu làm dịu lại mảng rực vàng của lúa. Rất thính nhạy, (như kên kên ngửi được mùi xác chết), đám thợ gặt đánh hơi kéo đến, những người nuôi vịt chạy đồng lục tục ở đằng sau.

Những cánh đồng trở thành đô thị; những cánh đồng ngoa ngoắt thay đổi vị của nước, từ ngọt sang mặn chát; những cánh đồng vắng bóng người, và lúa rày mọc hoang nhớ đau nhớ đón bàn chân xưa ngẽn trong bùn quánh giờ đang vất vả kiếm sống ở thị thành. Những cánh đồng đó, đã hắt hủi cây lúa (và gián tiếp từ chối đàn vịt). Đất dưới chân chúng tôi bị thu hẹp dần.

Nhưng ngay từ đầu, chúng tôi đã tự làm quẫn chân mình, vì không thể quay lại những cánh đồng cũ (với người quen cũ). Tôi đã từng trở ngược về những nơi đó theo cách của tôi, bằng mường tượng. Tôi gặp nhiều đứa trẻ tên Hận, tên Thù mang khuôn mặt rắp tâm của cha tôi, với đôi mắt sâu và chiếc mũi thẳng. Những đứa trẻ nhàu úa, cọc cằn, cằn cằn, chỉ tiếng chửi thề là tươi rói, nhảy ra xoi xói ở đầu môi. Và hình ảnh đó thật đến nỗi, tôi bất giác lùi lại vì một đứa đang nhìn trần trối vào mình, ngạo nghễ "Tao không thích học, chừng nào lớn, tao đi chăn vịt. Má tao (hoặc ba tao) dạn, phải đánh chết tụi chăn vịt kia".

Tôi giấu cợt, không biết mày có kịp lớn không. Và nó nhăn nhó cười trước khi tan mất vào vũng đêm.

Tôi không mất nhiều thời gian để hiểu được cái cười ấy.

Đơn giản là ngay bây giờ, trên cánh đồng này, cũng đang lảng vảng những thằng Hận, chúng lớn hơn, cũng thất học, hung hãn. Bọn người này cướp vịt ở các bãi khác (trong đó có của chúng tôi) bằng cách lén phết sơn đen lên đầu những con vịt và phờ phớn đến nhận chúng là của mình, hiển nhiên mang đi. Bắt đầu xảy ra vài cuộc xô xát trên đồng, người ta đem hết những bản năng hoang dã của mình ra để giành lại miếng ăn.

Cha biểu tôi đứng ở đằng xa. Chờ đợi. Rốt cuộc, bầy vịt của chúng tôi vẫn mất ngót một nửa. Chúng tôi ra về. Cha tha thểu đằng trước với một thân xác như bùn sau cuộc đánh nhau. Cố đi tụt lại phía sau, tôi giấu nỗi vui đang thổn thức, còn cào. Sẽ không ra gì nếu một đứa gái tỏ ra mừng rỡ khi cha nó bị đánh tả tơi, nhưng rõ ràng là cha tôi đang thay đổi, đang sống lại những cảm xúc bình thường nhất. Tôi thích ông như thế này.

Sau này, tôi luôn hối tiếc là tại sao ngay lúc ấy không chạy đến và cùng sống bước cùng ông, tại sao tôi không nhìn ông và mỉm cười. Để khi đám người kia cắt đồng, tôi đã không còn cơ hội.

Ba người họ ập tới từ phía sau, quây lấy tôi, quần áo vẫn dẫm bùn, mặt mũi sưng sía. Những thằng con trai hơi ngờ ngàng, khi nhìn thẳng vào tôi, một đứa gầy gò trạc thằng Điền lau dãi rờng rãi trên khoé miệng, thằng thốt, "con nhỏ đẹp quá, mày".

Tôi coi đó là lời phán quyết cho mình. Giọng điệu của hắn giống như đang tằm tắc trước một món hàng đã mất.

Và món hàng bị ghì ngựa trên mặt ruộng bị bơm nước. Tôi ngạc nhiên thấy bầu trời im sấm. Mênh mông. Không biết đã tắt nắng hay mặt trời không vói được ánh sáng đến nơi này ? Hay những khuôn mặt nghèo đói, dốt nát tắm tối đã che khuất nó ? Ngoái nhìn về phía cha và thấy ông làm lúi đàng xa, tôi mong ông đừng quay mặt lại. Sau đó thử chống cự một lần, rồi thôi, sự vùng vẫy chỉ kích thích lòng ham muốn. Tôi không muốn bị đè nghiêng, bị vùi nghẹn trong bùn. Bọn chúng hơi khó chịu trước một đứa con gái yếu ớt và câm lặng. Sự hưng phấn giảm đi ít nhiều, đến nỗi, chúng tỏ ra dờ dẩn, nghi hoặc khi bóc trần tôi ra. Sao đúng lúc vậy nè, tôi buồn nẫu nê, tôi vừa le lói nhìn thấy con đường dẫn đến cuộc - sống - bình - thường, tôi vừa nghĩ, trên con đường đó, sẽ gặp người con trai nào đó để thương yêu... Nhưng cố không để cảm giác đau tiếc làm mình lịm vào chết, tôi cười cợt, “Chúng mày có lột bỏ có trăm có ngàn, tầng tầng lớp lớp những vỏ bọc, cũng chẳng bao giờ thấu đến tận tao”. Ý nghĩ đó làm tôi bớt nhói cho nông nỗi này.

Vậy thì, cha ơi, quay lại làm gì, tôi than thầm khi nghe tiếng chân ông nôn nả, giận dữ lồm thồm trên mặt nước. Cha tôi lao vào, gài gừ nắm cổ một tên bật ngựa ra đàng sau như một người cố cắt cái vó sông nặng nề, đắm nước. Tôi khóc. Vì thấy ông đã kiệt sức, hoàn toàn. Và tôi buộc miệng thốt thanh : “Điền! Điền ơi!” trước khi một tên ghé đầu ông đập xuống bùn. Tiếng gọi ấy làm cha đau đến sững sờ, ông rướn ngược mặt về phía tôi, miệng há hốc. Tôi chực hiểu, ngay lập tức hối hận tràn đầy, trong ý thức cầu cứu, một bản năng đơn giản nhất, đứa con gái đã quên mất người cha.

Thằng Điền thì ở xa. Cánh đồng vắng ngắt, chấp chới vài cánh cò. Tôi biết rằng, không có cái gì làm cho cuộc chiêm đoạt này dừng lại. Cha không chấp nhận điều đó. Ông liên tục vùng vẫy. Một tên côn đồ ối lên một tiếng, bụm lấy mắt, vừa kêu rên vừa chửi bới ngậu xỉ. Không đánh trả, nó có cách trừng phạt khác, nó đè nghiêng, giữ cho mặt ông hướng về phía tôi. Và bọn chúng thay phiên nhau, giữ cho cha chỉ một tư thế đó.

Mắt cha tôi ầng ậc nước, tôi không rõ là phèn hay máu nhờn nhờn. Thôi nghen, ông trời, như thế này là đủ rồi, đừng thêm nữa. Ước gì cha tôi hiểu, để mà thanh thân, xura rày, cái gì không biết hai chị em cũng đã thử, đó là một cách tự học để sống. Chỉ có sự giao tiếp giữa thân xác là tôi chưa từng trải qua.

Nhưng lúc này, cảm giác thật đơn điệu. Đầu tiên là sự xé toạc, và từ rách nát, đau đớn như lũ kiến cánh được giải thoát, chúng bò rân khắp thân thể, tôi thấy mình đang chết. Rồi ký ức ủa về kinh hãi, về mặt má tôi cái hôm bị người đàn ông bán vải đo lên người hình như không phải là khoái lạc thăng hoa, nó giống như tôi bây giờ, đau rần rụa, nhói tận chân tóc. Trời ơi, tại sao tôi không nhận ra điều đó, ngay lúc ấy (để giấu kín nỗi ám ảnh trong lòng, giả đồ tươi cười với má, xem như không có chuyện gì, để chiều chiều cùng má ra sông, hỏi nhau, không biết chừng nào thì cha về)

... Mặt trời le lói ánh sáng trở lại khi trên đồng chỉ còn hai thân thể nhàu nhừ. Ai đó vãi từng chùm chim én lên cao, chúng cố chao liệng để khỏi phải rơi như lá. Người cha cời cái áo trên người để đắp lên đứa con gái. Ông ta bò quanh nó, tìm bất cứ cái gì để có thể che cơ thể nó dưới mặt trời. Dường như đứa con gái đang chết, chỉ đôi mắt là rưng rức chớp mở không thôi. Câu đầu tiên nó hỏi :

- Không biết con bị có con không, hả cha ?

Nó hơi sợ hãi. Cảm giác một cái gì, nhỏ xíu nhưng lạnh lợi như con loãn quẩn đang ngụp lặn trong nó. Đứa con gái thoáng nghĩ, rút nước mắt, trời ơi, có thể mình sẽ sinh con. Nhưng nó chấp nhận việc ấy, dù phũ phàng (với nó, chấp nhận cũng là một thói quen).

Đứa bé đó, nhất định nó sẽ đặt tên là Thương, là Nhớ hay Dịu, Xuyên, Hường... Đứa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui vẻ sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn. /

Phụ đính :



Điểm sách: Dòng sông tật nguyên

Với ba nhân vật chính:

Ông bố, cô Hén và tôi, một không gian truyện khi mở ra, khi co thắt kể lại số phận của một gia đình làm nghề chài lưới lênh đênh sông nước nhiều bi kịch. Ông bố tính tình bạo liệt và cộc cằn, ăn sóng nói gió, sống bằng nghề đánh chài mò đầy hiểm nguy.

Cô Hén nhẫn nhịn, sống bên người đàn ông thô cộc như một đồ vật có cũng được mà không có cũng được, chịu đựng, ít lời và ẩn chứa một lí do nào đó chỉ mở ra ở kết truyện.

Tôi, cái cô bé của người đàn bà không chung thủy cứ lớn lên phồng phao và đau đớn giữa những bi kịch của người lớn.

Cả cái bộ ba nhân vật ấy sống lẫn sống lữa bên nhau như những bóng mờ, yêu thương như thú hoang, mà vẫn ngờ vực, đố kỵ và bị coi rẻ. Khổ nhất là cô Hén, người chuộc nạn cho một tình yêu không tận thủy tận chung của chị gái mình. "Cá đánh lấm cũng hết, người ở lâu dễ hư. Ma quỷ yêu quái chẳng qua là ở mãi một chỗ mà thành. Mèo già hóa tinh thành cáo, chó dữ nuôi lâu phát rồ". Cái cách chì chiết mà ông bố yêu vợ và độc đoán bị vợ phản bội luôn chọc vào ngấu nhĩ người đàn bà mong được sống cho ra một con người, có bà con, xóm giềng, họ mạc, chí ít là sự âu yếm. Và, như thế cái sự người đàn bà bỏ người làm nghề chài mò để chạy theo tiếng gọi của "con đực" khác diễn ra như một tất yếu. Nhưng, người đàn ông làm nghề đánh chài mò kia không vì số kiếp nhiều bất hạnh mà không dồn sự yêu thương khắc khổ cho đứa con riêng rút ruột bồng chốc thành cô út. "Vì sao lại có sóng hả bố". "Vừa bụng bát cơm lên, ông nói giọng còn lụng bụng trong miệng:- Vì đời sinh ra bố".

Khi Hén đến, ông không thể còn là một con người bình thường được nữa. Ông dễ nổi đóa và càng ngày càng thô lỗ trước bất cứ điều gì. "Một lần trong bữa ăn, cô (Hén) hỏi bố tôi về chuyện tại sao con sông này có tên là Bo, con sông kia có tên là Mã, con sông nọ có tên là Sứ. Sau mấy câu trả lời âm ừ, cô ấy cứ hỏi mãi. Chẳng nói chẳng rằng, ông ném luôn bát cơm trên tay vào mặt, chữi: - Miệng thối như cứt mà ăn cơm cứ nói lảm. Bọt phun phè phè ra hết mâm ai còn dám ăn. Cô về hỏi thằng bố cô ấy. Dứt lời, ông đứng lên bê thóc cô ném thẳng lên bờ, nhổ neo đẩy thuyền đi không thèm ngoái lại".

Ngay từ truyện ngắn Dòng sông tật nguyên khởi đi của tập truyện, nhà văn Phạm Thanh Khương đã ý thức và tâm huyết viết về những số phận có đặc thù riêng - gia đình và xã hội thu nhỏ của những người làm nghề chài lưới phập phù sông nước đầy tự do, phức tạp về cá tính, bất hạnh rập rình, cô tẻ và cách biệt nhiều giữa cộng đồng. Cách kể kiệm lời. Nhân vật in tạc

từng tính cách rõ nét. Đời sống của họ thường khổ nhiều hơn vui, bất hạnh đón đường nhiều hơn hạnh phúc. Dẫu vậy, "Nếu dòng sông là cuộc đời thì những người làm chài sẽ có hai cuộc đời, một cuộc đời của người và một cuộc đời của sông...Dẫu trong hay đục, dẫu mùa mưa hay mùa khô, dẫu là gì đi chăng nữa thì sông vẫn cứ là sông. Nơi ấy tôi sinh ra. Tôi chỉ cần biết thế". Và, "Đời đã sinh ra cha để cho những dòng sông. Còn tôi, sông đã sinh ra để cho những cuộc đời như cha, mẹ và cô Hến".

Truyện ngắn "Bốn chiều gió cả" lại là một cảnh, đời đầy kịch tính, đau xót và dữ dội. Người cha nhiễm căn bệnh quái ác sau những năm tháng chiến đấu từ mặt trận phía Nam trở về. Đứa con cũng nhiễm bệnh truyền từ người cha. "Những ngày có gió..., người tôi nổi mẩn ngứa ngáy... Từ những nốt mẩn ngứa ban đầu như muỗi đốt cứ to dần lên bằng quả ổi, bưng mủ. Bao giờ những nhọt bọc đó vỡ ra, mủ, máu chảy đến đâu thì chỗ đó lại nổi mẩn ngứa. Mùi tanh của mủ làm cho bà ruồi nhặng kéo về từng đàn, bu kín khắp người. Có những lần, tôi quờ tay nắm cũng được bốn năm con nhặng xanh...Tôi cũng sợ chính cái mùi tanh tanh khăm khăm đến lợm giọng từ người tôi tỏa ra, cái mùi mà bọn trẻ trâu bảo không khác gì mùi cóc chết thối". Tôi đọc cái truyện ngắn này thấy rất choáng váng. Choáng váng về di chứng chiến tranh đeo đẳng số phận của không ít người lính và gia đình họ, di hại sang con cháu họ rất tàn độc. Tôi càng choáng váng vì sự cô đơn của họ giữa tình xóm nghĩa làng. Họ đã vì Tổ quốc mà dâng hiến cả tuổi trai. Nhưng khi trở về. Họ, (chỉ ít là những nhân vật như người cha và người con trong truyện ngắn này) tự biết cộng đồng ghê sợ và không muốn họ sống gần. Đến ngay cả người vợ của người lính bị di họa kia cũng bỏ chồng bỏ con vì kinh hãi. Nhưng may thay, tất cả không phải đều là như thế. Bên cạnh cha con người chiến binh đơn độc nạn vẫn còn một lão Ván với vẻ ngoài khó ưa, có thể là vô số tính xấu, nhưng mang một trái tim thánh, luôn yêu thương cha con người lính bị di họa hành hạ, không bỏ rơi họ và ngoảnh mặt !. "Tổ đàn của chúng ta bây giờ lại vẫn có ba người. Hai đồng chí bố và một đồng chí con cùng cây súng cao su.

Cuộc chiến của chúng ta bây giờ là đầm cá và các nhọt bọc". "Thời gian không của người", "Sóng vẫn vẫn vờ trôi" lại là những mẫu số phận khác trong cộng đồng lẻ bạc của những gia đình sống chết với nghề sông nước được Phạm Thanh Khương viết tài hoa, tinh tế với nhiều day dứt. Nếu như trong "Thời gian không của người" là bi kịch nặng nề giữa ân ân oán oán của hai gia đình sống trong cái làng ven sông có nghề làm gai vó, thì "Sóng vẫn vẫn vờ trôi" là cuộc trả thù tàn lạnh của lão Kiếm với lão Được. Ở câu chuyện này, hình ảnh lão Kiếm kiên nhẫn rửa hàng vốc lưới câu để trừng trị con cá mặng từng đâm tọt thuyền câu của lão chỉ như một can cơ mang đầy tính tượng trưng trong thiên truyện. Thực ra, cái con cá mặng cụ thể chính là lão Được - cha đẻ ruột của đứa con lão Kiếm nuôi nấng. Dẫu lão Được Không có lỗi, nhưng "Tò vò mà nuôi con nhện" thì lão Kiếm cay đắng âm ỉ không chịu nổi. Bập vào đoạn kết, cái cách lão Kiếm lừa được lão Được ra khúc Rủ rồi giã chết cuốn trong tay lưới mà rợn da gà. Kẻ bắt phải trái sau cú ra đòn, thản nhiên đến lạnh lùng: "...Lão Kiếm buông se điếu, đẩy chiếc bát ra xa, nhấm nhấm: - Nay không có cá đâu mà ngóng. Lên khúc Rủ mà đưa lão Được về. Nhớ gọi cả thằng Lợi đi cùng". "Ngược chiều gió mùa, bà Tèo lật đật chạy theo triền đê, bóng bà cứ vật vờ, vật vờ trôi trên mặt sóng". Tôi không có ý chi tiết vào từng chuyện trong tập truyện.

Tuy nhiên, khi đọc toàn mạch cả tập Dòng sông tật nguyên tôi luôn bị bứt rứt trước những số phận đời chài lưới nghiệt ngã trôi dạt trên sông nước. Cái lớp người sống ngâm da, chết ngâm xương mà Phạm Thanh Khương đã đứt ruột sinh trên từng trang chữ ám ảnh tôi rất nhiều. Phạm Thanh Khương rất mạnh khi chuyên sâu vào đề tài những người dân chài. Có lẽ, cái đồng đất Thái Bình mang cả lịch sử và máu xương những người lính thời phong kiến còn chưa xa, những điền nông từng bắt chấp chướng khí đến đất này mở ra những cánh đồng

ngút ngát lán về phía biển, những toán dân chài lướt theo cùng những người lán đất sống chìm nổi phó mặc cho sông nước để kiếm tìm một cuộc sống tạm bợ, nhiều bất trắc...

Tất cả vốn sống tích lũy và hiểu biết phong phú có được giúp cho những trang văn viết về đề tài sông nước của anh sống động, phong phú, trung thực và không phải ít sự nghiệt ngã. Có thể dẫn ra từ bất kì truyện ngắn nào của tập sách này những đoạn văn sống động viết về nghề chài, viết về cảnh đời sông nước. Anh viết rất tinh tế về cách làm gai vó. Anh viết về những nỗi người cô đơn bị hắt hủi. Anh nhuần nhuyễn và làm chủ những thoại ngắn bộc lộ và khắc họa tính cách từng nhân vật...

Có hai truyện ngắn của tập sách này tôi đặc biệt bị nó cuốn hút, đó là "Sóng vẫn vẫn vơ trôi" và "Mùa hội điều làng chài". Nếu ở "Sóng vẫn vẫn vơ trôi", số phận của những kiếp sông khô khát cuốn tôi phập phồng theo từng diễn biến và mạch kể, thì với "Mùa hội điều làng chài", chi hầu như rất kiệm với một nhân vật trung tâm, một nhân vật phụ, truyện được viết như một mạch thơ buồn trôi chảy. "Mùa hội điều làng chài" viết khéo như một truyện không cốt, thế mà xôn xao và sâu lấp lánh. Câu chuyện bình bồng những lời nguyên được nhà văn Phạm Thanh Khương viết như liêu trai. Đọc đi, đọc lại vẫn ngẩn ngơ thích. Tôi đọc tập truyện Dòng sông tạt nguyên của Phạm Thanh Khương nôn nao nhớ tới tập truyện "Những người hái rong biển" của A.N.Tôlikim - một nhà văn quốc tịch Nga gốc Triều Tiên. Phạm Thanh Khương cũng đặc tả và chuyên chú vào những số phận đời chài nghiệt ngã và khác thường.

Tuy nhiên, A.N.Tôlikim chủ trương thiên nhiên đơn độc như ở một thế giới khác với những số phận nhân vật đầy cô đơn tưởng chừng không thể có trên trái đất. Hai nhà văn có sự giống nhau ở vị truyện và dư ba sau khi gấp trang sách mà không băng giá. Có lạnh đấy (cách kể), nhưng hàm hấp hơi nóng phả tới từ cuộc sống bức bối, sống động đâu đây. Với tôi, ở tập sách thứ tư này, Phạm Thanh Khương đã thành công khi anh không tránh né và chối từ những gì mà anh đã chứng kiến và trải nghiệm.

Xin chúc mừng một tập truyện hay nữa của anh !

Vũng Tàu, 29-4-2009